

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
DABACO VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88/DBC-VP HĐQT
V/v: CBTT Báo cáo thường
niên năm 2017

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức:** Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam
- Mã chứng khoán: DBC
- Địa chỉ: Số 35 Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại liên hệ: 0222 3826077 Fax: 0222 3896000
- E-mail: Contact@dabaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2017.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/3/2018 tại đường dẫn: www.dabaco.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2017.

TL. CHỦ TỊCH HĐQT
CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT



Nguyễn Thị Huệ Minh



DABACO GROUP

TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM
ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

2017 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Số 35 Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh,
Tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam



www.dabaco.com.vn



DABACO
GROUP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Ngày 19/03/2018



VIẾT TẮT

BCTN: Báo cáo thường niên

CTCP: Công ty cổ phần

HĐQT: Hội đồng quản trị

BTGD: Ban tổng giám đốc

BKS: Ban kiểm soát

Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam

NỘI DUNG

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành và phát triển
 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 4. Định hướng phát triển
 5. Các rủi ro
-

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 2. Tổ chức và nhân sự
 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
 4. Tình hình tài chính
 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
 6. Báo cáo phát triển bền vững
-

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 2. Tình hình tài chính
 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
-

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc
 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
-

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
 2. Ban kiểm soát
 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
-

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông !

Năm 2017, đánh dấu kỉ lục về tăng trưởng kinh tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Lần đầu tiên sau nhiều năm, Việt Nam đạt và vượt toàn bộ 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong năm, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, mức cao nhất trong 10 năm qua.

Tuy nhiên, trái ngược với những con số ấn tượng của nền kinh tế vĩ mô, năm 2017 lại là năm đầy sóng gió của ngành nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt là ngành chăn nuôi lợn, giá thực phẩm giảm sâu trong thời gian dài đã tác động lớn đến người

chăn nuôi và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành.

Tuy nhiên, nhờ chính sách điều hành linh hoạt, nhạy bén và thích ứng nhanh, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tích cực chỉ đạo Công ty tập trung hoàn thiện chuỗi giá trị thông qua tái cấu trúc, mở rộng quy mô cả về chiều rộng và chiều sâu; kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp, triển khai quyết liệt từng nhóm giải pháp đối với từng đơn vị, tiết kiệm triệt để nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành, giảm bớt thiệt hại do ảnh hưởng của giá cả thị trường. Kết quả năm 2017 tuy chưa đạt kỳ vọng, song Tập đoàn vẫn đạt lợi nhuận sau thuế 200 tỷ đồng. Đây là kết quả của sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng của Tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV trong Tập đoàn trong bối cảnh tình hình của ngành hết sức khó khăn.

Trước yêu cầu hội nhập quốc tế, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc kiên định mục tiêu và chiến lược phát triển mô hình chuỗi giá trị khép kín trong ngành nông nghiệp – thực phẩm – mô hình 3F, từ đó xây dựng thế mạnh cạnh tranh cả về chất và lượng, không ngừng đổi mới phương thức quản lý, quản trị, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cao vào sản xuất, chăn nuôi, đặc biệt nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm nông sản độc đáo, có hàm lượng chất xám cao và tích cực mở rộng thị trường tiêu thụ trong phạm vi cả nước, tiến tới xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

Năm 2018, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV với tinh thần dám nghĩ, dám làm, quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, nắm bắt cơ hội, nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và những nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

Thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Tập đoàn DABACO Việt Nam, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông, đối tác, bạn hàng đã tín nhiệm, đầu tư và đồng hành cùng DABACO.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!



NGUYỄN NHƯ SỞ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam
Mã số doanh nghiệp:	2300105790
Vốn điều lệ:	828.184.650.000 đồng
Vốn chủ sở hữu:	2.502.616.605.237 đồng
Địa chỉ:	Số 35 đường Lý Thái Tổ, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại:	0222 3826077 - 3895111
Fax:	0222 3896000 - 3825496
Email:	contact@dabaco.com.vn
Website:	www.dabaco.com.vn
Mã chứng khoán:	DBC
Sàn niêm yết:	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất Thức ăn chăn nuôi, giống gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm.

Dabaco Group đặt ra sứ mệnh: Mang đến cho người tiêu dùng các loại sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn và dinh dưỡng thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp - thực phẩm.

Để làm được điều đó, chúng tôi không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ mà Dabaco Group cung cấp đến người tiêu dùng.



Phát triển thành Tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín (**mô hình 3F**) gồm: “*Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (Food - Thực phẩm)* song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO”.

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1996-1997

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam được thành lập ngày 29/3/1996 (tên gọi đầu tiên là Công ty Nông sản Hà Bắc).

Xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc DABACO với công suất 5 tấn/giờ tại xã Võ Cường, Bắc Ninh và Xí nghiệp gà giống công nghiệp Lạc Vệ tại huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

1998

Thành lập Chi nhánh công ty tại Hà Nội và Cửa hàng xăng dầu tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2000

Thành lập Xí nghiệp giống gia súc, gia cầm Thuận Thành mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

2002

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS công suất 30 tấn/giờ. Đầu tư xây dựng mới Xí nghiệp gà giống gốc ông bà siêu trứng tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2003

Khánh thành Xí nghiệp lợn giống hương nạc Thuận Thành.

2004

Khánh thành Trụ sở của Công ty tại số 35 đường Lý Thái Tổ, Bắc Ninh. Thành lập Xí nghiệp ngan giống Pháp tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2005

Khánh thành Nhà kho và Nhà xử lý nguyên liệu tại xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh.

Kể từ ngày 01/01/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quyết định số 1316 QĐ/CT ngày 10/08/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

2006

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc 4 tấn/giờ. Thành lập Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công và Xí nghiệp giống lợn Lạc Vệ.

2007

Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Bắc Ninh, Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi, Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc.

2008

Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco, Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco, Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco và Trung tâm chẩn đoán thú y Dabaco.

Ngày 18/3/2008, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 29/4/2008, đổi tên thành Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

2009

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Dabaco công suất 25 tấn/giờ tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh; Siêu thị Dabaco tại phố Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

Phát hành thành công 2 đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để sáp nhập Công ty cổ phần thương mại Hiệp Quang và phát hành cho cổ đông chiến lược, nâng vốn điều lệ của công ty lên 254.466,6 triệu đồng tương đương 25.446.660 cổ phần.

2010

Đưa vào hoạt động Nhà máy chế biến thịt gà, thành lập Công ty TNHH Bất động sản Dabaco, Công ty TNHH ĐTXD&PT Hạ tầng Dabaco, Trung tâm thương mại Dabaco tại Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân DABACO.

Để nâng cao sản lượng sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, Công ty đã thành lập Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, và tái cơ cấu lại một số đơn vị thành viên, chuyển một số đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty TNHH một thành viên, sáp nhập Xí nghiệp ngân giống Pháp vào Công ty TNHH ĐT&PT chăn nuôi gia công.

2011

Công ty hoàn tất đợt phát hành 18.164.440 cổ phiếu và 2.544.666 trái phiếu chuyển đổi nâng vốn điều lệ của Công ty lên 436.111.000.000 đồng tương đương 43.611.100 cổ phần.

Thành lập Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco và các doanh nghiệp dự án để thực hiện các dự án theo hình thức BT gồm: Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh, Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến đường vành đai III và TL 295B Từ Sơn.

Chấm dứt hoạt động Chi nhánh tại Hà Nội.

Tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/3/2011, Công ty đã đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.

2012

Ngày 14/02/2012, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 671.872 trái phiếu thành 4.798.860 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 484.099.600.000 đồng tương đương 48.409.960 cổ phần.

Thành lập doanh nghiệp dự án Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh.

Khánh thành Nhà máy chế biến TACN Dabaco Hoàn Sơn công suất 5 tấn/h chuyên sản xuất thức ăn heo con tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2013

Ngày 14/02/2013, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.872.794 trái phiếu thành 14.331.963 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 627.419.230.000 đồng tương đương 62.741.923 cổ phần.

Giải thể Công ty cổ phần thủy sản CSC Dabaco và chuyển toàn bộ số vốn góp sang đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia súc, gia cầm Dabaco.

Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu gà 9 cựa Dabaco; Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia cầm Dabaco; Nhà máy sản xuất con giống gia cầm; Xí nghiệp gà đẻ trứng của Công ty ĐT&PT chăn nuôi gia công.

2014

Khai trương Siêu thị Dabaco Gia Bình tại Thị trấn Đông Bình, huyện Gia Bình, Bắc Ninh.

Đưa vào hoạt động dây chuyền xử lý trứng tự động được nhập khẩu của hãng MOBA – Hà Lan, với các công đoạn xử lý tự động qua các khâu: Rửa trứng – Làm khô – Khử trùng bằng tia cực tím – Soi trứng – Cân, phân loại trứng – In ngày sản xuất và đóng gói sản phẩm. Nhờ vậy, sản phẩm có độ đồng đều cao và đảm bảo chất lượng, an toàn hơn cho người sử dụng.



Dây chuyền xử lý trứng tự động

2015

Thành lập Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ...

Đầu tư xây dựng Trung tâm công nghệ sinh học Dabaco.

2016

Tháng 03/2016, Công ty đã thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2015, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 752.899.590.000 đồng tương đương 75.289.959 cổ phần.

Ngày 28/12/2016, khánh thành Khách sạn Le Indochina đạt tiêu chuẩn 5*.

Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài. Sáp nhập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco vào Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco.

Mua lại Công ty cổ phần Tâm Tâm và thực hiện sáp nhập vào Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang.

2017

Ngày 15/01/2017, khánh thành Trung tâm thương mại Dabaco Từ Sơn.

Ngày 10/02/2017, khánh thành Công viên Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh

Thành lập công ty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhật, Công ty TNHH dầu thực vật Dabaco, Công ty TNHH giống gia cầm Dabaco Bình Phước, Nhà máy chế biến trứng Dabaco.

Tháng 04/2017, Công ty đã thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2016, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 828.184.650.000 đồng tương đương 82.818.465 cổ phiếu.

Năm 2017, Công ty hoàn thành và đưa vào hoạt động các dự án lớn gồm: Khu chăn nuôi tại Hà Nam, Phú Thọ, Lương Tài, Hải Phòng và Nhà máy TACN Nasaco Hà Nam; Nhà máy sản xuất bột nhựa xuất khẩu.

1. CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU:



Top 50 Công ty Kinh doanh Hiệu quả Nhật Việt Nam năm 2012



Top 500 thương hiệu hàng đầu Việt Nam từ 2008 đến 2012



Giải Vàng chất lượng Quốc gia năm 2012



Top sản phẩm, dịch vụ được tin dùng năm 2011



Cúp vàng chất lượng hội nhập WTO - Top 100 thương hiệu Việt hội nhập WTO



Giải thưởng thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2009



Cúp Vàng Nông nghiệp năm 2009



Giải Vàng Nhân hiệu cạnh tranh năm 2008



Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu vàng chất lượng

Trong quá trình hoạt động và phát triển, Ban lãnh đạo Công ty không ngừng nỗ lực nhằm phát triển Công ty hội nhập vào xu thế mới. Từ năm 1996 đến nay, Công ty đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các ngành, các cấp trao tặng nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý, cụ thể:

2000	Huân chương lao động hạng ba
2004	- Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng thời kỳ đổi mới . - Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.
2005	- Cúp Vàng “Thương hiệu và Nhãn hiệu” -Cúp vàng Sản phẩm Uy tín Chất lượng cho sản phẩm TĂCN Topfeeds, Dabaco
2007	- Huân chương lao động hạng nhì. - Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam – Thương hiệu Vàng chất lượng”. - Giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển”. - Cúp vàng Chất lượng hội nhập cho sản phẩm TA đậm đặc cho lợn - Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao cho ngành TACN. - Cúp Vàng Topten ngành hàng Thương hiệu Việt uy tín – chất lượng cho TĂCN cao cấp Topfeeds. - Giải thưởng “Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam Vàng”.
2008	- Chứng nhận hàng Nông Lâm Thủy sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại. - Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng". - Giải thưởng Thương hiệu Việt Hội nhập WTO. - Cúp vàng cho sản phẩm Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn. - Giải thưởng - Cúp Vàng "Thương hiệu chứng khoán uy tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam".
2009	- Top 50 thương hiệu chứng khoán uy tín trên TTCK Việt Nam. - Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển". - Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng"
2010	- Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển". - Giải thưởng Doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu 1.000 năm. - Chứng nhận "Thương hiệu Việt" cho sản phẩm thức ăn hỗn hợp Topfeeds. - Top 500 thương hiệu Việt hàng đầu Việt Nam 2010.
2011	- Giải thưởng "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng". - Top 100 hàng Việt Nam tin dùng. - Chứng nhận sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm đạt danh hiệu "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng".

Các năm 2008,2009,2010, 2011,2012	Chứng nhận 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam
Các năm từ 2000 đến 2006, từ năm 2009 đến 2012	Giải thưởng Chất lượng Việt Nam
2012	<ul style="list-style-type: none"> - Huân chương lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng. - Giải Vàng Chất lượng Việt Nam. - Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất 2012. - Top 15 cổ phiếu trên sàn HNX được niêm yết trên Sở GDCK Asean (Asean Star) và Top 30 cổ phiếu có tính thanh khoản cao nhất trên sàn Hà Nội (HNX 30).
2013	Giải thưởng Asian Feed Miller of the Year 2013
2014	<ul style="list-style-type: none"> - Top 100 Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2014. - Top 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2013 - 2014 và Top 15 Doanh nghiệp đóng góp tích cực cho TTCK tại HNX từ năm 2009 – 2014. - Giải thưởng Công ty quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi theo chuỗi tốt nhất do Cục Chăn nuôi trao tặng. - Doanh nghiệp văn hóa vì cộng đồng (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung tâm Văn hóa doanh nhân trao tặng).
2015	<ul style="list-style-type: none"> - Huân chương lao động hạng Nhất (lần 2). - Danh hiệu “Doanh nghiệp vì nhà nông” và Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam” cho sản phẩm “Giống Gà Ja – Dabaco” (Bộ Nông nghiệp & PTNT trao tặng). - Top 50 thương hiệu có giá trị lớn nhất Việt Nam năm 2015 do Tổ chức định giá Brand Finance (Anh) bình chọn. - Giải thưởng sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2014 đối với sản phẩm “Trứng Gà Dabaco Omega 3”. - Cờ Công đoàn cơ sở vững mạnh có phong trào thi đua xuất sắc năm 2015 của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam. - Cờ đơn vị thi đua xuất sắc phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc của Bộ Công an.
2016	<ul style="list-style-type: none"> - Cờ thi đua của Chính phủ. - Bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam - Cờ đơn vị thi đua xuất sắc phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc của Bộ Công an. - Vinh danh “Doanh nghiệp đồng hành cùng nhà nông” và “Nhà lãnh đạo xuất sắc vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam”. - Giải thưởng “Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2016”. - Giải thưởng Công ty có trang trại gà đẻ trứng lớn nhất năm 2015-2016.
2017	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thưởng “Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2017” - Giải thưởng “Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam”

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

❖ *Ngành nghề kinh doanh chính:*

- (1) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- (2) Sản xuất, lai tạo giống gia súc, gia cầm;
- (3) Chăn nuôi gia công lợn và gà thương phẩm, gà đẻ trứng;
- (4) Sản xuất bao bì, kinh doanh dịch vụ, thương mại;
- (5) Giết mổ, chế biến thực phẩm;
- (6) Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng hạ tầng;
- (7) Và các lĩnh vực kinh doanh khác.

❖ *Địa bàn hoạt động kinh doanh chính:*

Với mục tiêu đưa thương hiệu Dabaco vươn tầm quốc tế, ngay từ những ngày đầu thành lập, Dabaco luôn mang trong mình khát vọng làm thế nào để sản phẩm, dịch vụ của mình tiếp cận với khách hàng trong và ngoài nước. Để thực hiện hóa được khát vọng đó, Dabaco đã xác định phát triển mạng lưới là một trong những giải pháp chiến lược nhằm đón đầu xu thế phát triển chung của nền kinh tế đất nước để nâng cao thị phần, mở rộng thị trường tạo nền tảng phát triển bền vững.

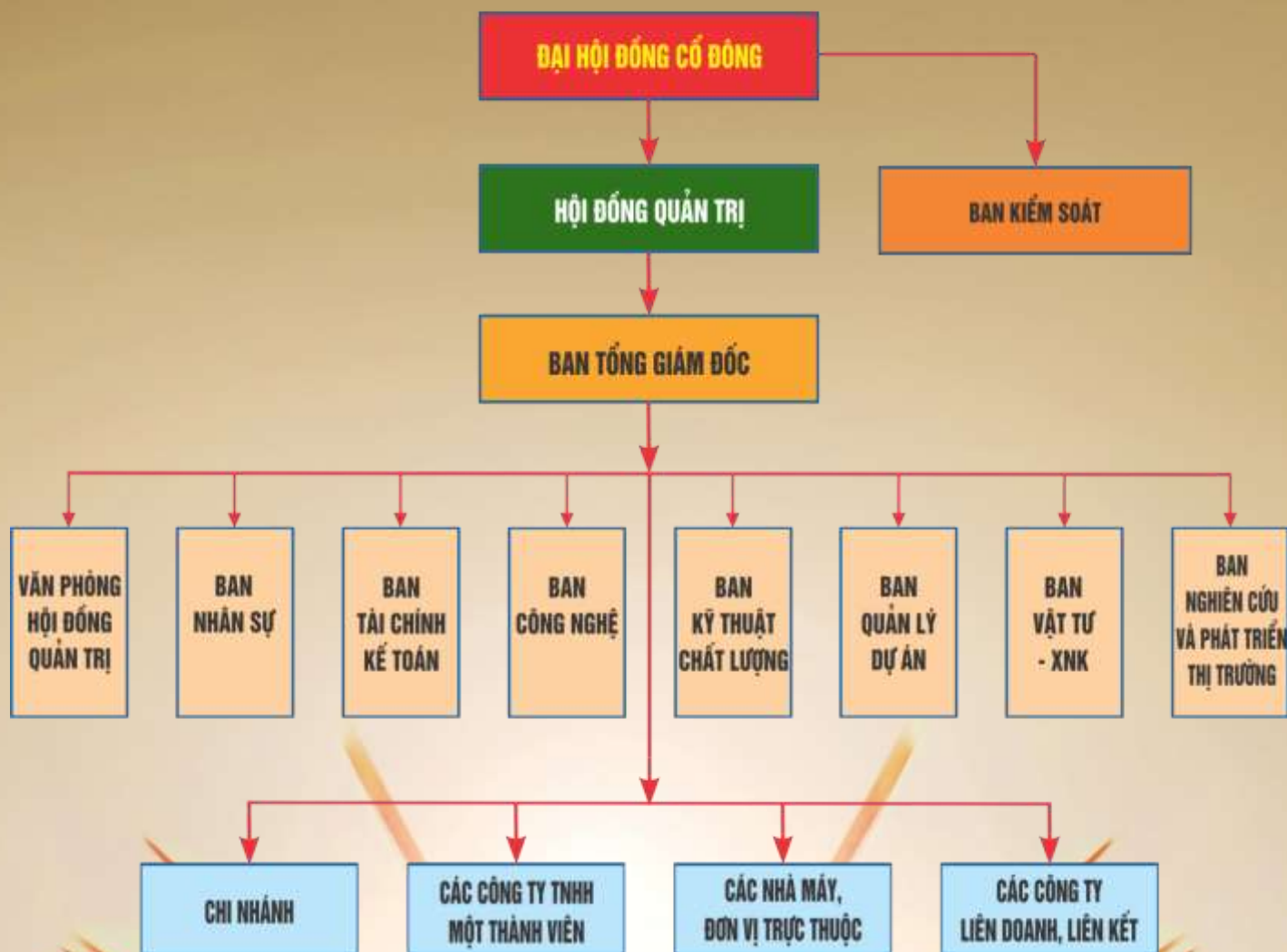
Trong suốt 22 năm hoạt động, nhận thức được tầm quan trọng của công tác phát triển mạng lưới, Dabaco vượt qua mọi khó khăn, thách thức trên bước đường phát triển, không ngừng đầu tư tại các vùng miền nhằm tối ưu tiềm năng tại các vùng miền.

Nhờ đó, Dabaco hiện đã trở thành Tập đoàn kinh tế đa ngành nghề có mạng lưới hoạt động rộng lớn cả về số lượng và chất lượng; xây dựng được hệ thống đại lý phân phối sản phẩm trải khắp từ Bắc vào Nam, cung cấp ra thị trường toàn quốc các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, con giống, trứng gia cầm, thực phẩm chế biến... đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, với chất lượng và các giá trị vượt trội.



3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Nhờ vào nền tảng kinh nghiệm cùng với khả năng quản lý, điều hành mang tính đột phá của Ban lãnh đạo, đã thúc đẩy công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng. Hiện nay, Tập đoàn DABACO Việt Nam gồm có các Công ty TNHH một thành viên và các đơn vị trực thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực.

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0222.3821243 Fax: 0222.3737526



Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0222.3829434 Fax: 0222.3829759



Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0222.3825111 Fax: 0222.3825112



Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi DABACO Hoàn Sơn

Địa chỉ: KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0222.3848202 Fax: 0222.3848201



Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh nguyên liệu chế biến sản xuất TACN; Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ sản xuất nông, công nghiệp; ...

Điện thoại: 028 54318385 Fax: 028 54317382



Trung tâm Chẩn đoán thú y DABACO

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động thú y, chẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám chữa bệnh động vật, tiêm chủng, dịch vụ thú y lưu động.

Điện thoại: 0222.3717358 Fax: 0222.3717359



Cửa hàng xăng dầu

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý và kinh doanh xăng dầu.

Điện thoại: 0222.3723671



CÔNG TY TNHH MTV DO DABACO LÀM CHỦ SỞ HỮU

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công

Địa chỉ: Cụm công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi

Điện thoại: 0222.723523 Fax: 0222.723524



Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn DABACO

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi. Chăn nuôi lợn, lợn thịt, lợn sữa, lợn giống.

Điện thoại: 0222.3724320 Fax: 0222.3724321



Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và kinh doanh giống gia cầm.

Điện thoại: 0222.3723713 Fax: 0222.3723764



Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn.SXKD lợn giống, lợn thịt, tinh lợn. Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.

Điện thoại: 0222.3723938 Fax: 0222.3723522



Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân DABACO

Địa chỉ: Xã Tân chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Chăn nuôi gia súc, gia cầm; lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò. Sản xuất, nuôi giữ đàn lợn giống gốc.

Điện thoại: 0222.3721649 Fax: 0222.3721648



Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DABACO

Địa chỉ: Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, KD rau an toàn ứng dụng công nghệ cao

Điện thoại: 0222.3724138 Fax: 0222.3724126



Công ty TNHH MTV Thương Mại Hiệp Quang

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì từ nhựa PP, PE, composit....

Điện thoại: 0222.3717256 Fax: 0222.3717269



Công ty TNHH MTV DABACO Tây Bắc

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình.

Ngành nghề chính: Chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm; Bán buôn, bán lẻ: Thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Điện thoại: 0218 3843943 Fax: 0218 3843943



Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Mua bán xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất TACN, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại,...

Điện thoại: 0222.3717388 Fax: 0222.3717377



Siêu thị Dabaco Lạc Vệ:

Địa chỉ: Phố Lạc Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0222.3720999 Fax: 0222.3720979



Siêu thị Dabaco Lý Thái Tổ

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0222.3737989 Fax: 0222.3737969



Siêu thị Dabaco Nguyễn Cao

Địa chỉ: Đường Nguyễn Cao, P Ninh Xá, TP Bắc Ninh

Điện thoại: 0222.3692666



Siêu thị Dabaco Gia Bình

Địa chỉ: Thị trấn Đông Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0222.3670799



Trung tâm thương mại DABACO Từ Sơn

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, P.Đình Bảng, TX. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0222.3859888



Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng DABACO

Địa chỉ: Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn và quản lý dự án đầu tư, mua bán và cho thuê xe, máy móc, thiết bị ngành xây dựng,...

Điện thoại: 0222.3813713 Fax: 0222.3813714



Công ty TNHH Cảng DABACO Tân Chi

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa, cho thuê và kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi...

Điện thoại: 0222.3724398 Fax: 0222.3724399



Công ty TNHH Nutreco

Địa chỉ: KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0222.3847997 Fax: 0222.3847994



Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam

Địa chỉ: KCN Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Duy Tiên, Hà Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi



Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ

Địa chỉ: Khu 1 Xã Tề Lễ, Tam Nông, Phú Thọ

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn



Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam

Địa chỉ: Thượng Vỹ, Nhân Chính, Lý Nhân, Hà Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn



Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng

Địa chỉ: Trại Viên, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, TP Hải Phòng

Phòng

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn

**Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Tĩnh**

Địa chỉ: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 55, xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn

**Công ty TNHH Du lịch & Khách sạn Le Indochina**

Địa chỉ: Số 45 Nguyễn Đăng Đạo, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống.

**Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật, Trồng cây có hạt chứa dầu; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

**Công ty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhật**

Địa chỉ: Khu Sơn, Phường Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;...

**Công ty TNHH giống gia cầm Dabaco Bình Phước**

Địa chỉ: Ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi gia cầm



CÁC DOANH NGHIỆP DỰ ÁN:

Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường Vành đai III và TL295B Từ Sơn

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....

Điện thoại: 0222.3737855 – 3895111 Fax: 0222.3825496

Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....

Điện thoại: 0222.3737855 – 3895111 Fax: 0222.3825496

Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....

Điện thoại: 0222.3895111 Fax: 0222.3825496

Mô hình quản trị trên đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành; nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo chiến lược, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự và đầu tư.

Trong đó, nhiệm vụ và vai trò của các cấp là:

STT	CÁC CẤP	NHIỆM VỤ, VAI TRÒ
1	Đại hội đồng cổ đông:	Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.
2	Hội đồng Quản trị:	Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ). Hiện tại, HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam có 09 thành viên, nhiệm kỳ là 05 năm. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3	Ban kiểm soát:	Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của BKS là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty. Hiện nay, BKS Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

4	Ban Tổng Giám đốc:	Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 8 người: Tổng Giám đốc và 7 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch HĐQT. Các Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể, có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc theo lĩnh vực được phân công và cùng phối hợp triển khai nhiệm vụ chung của Ban Tổng Giám đốc.
---	---------------------------	---

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Về sản phẩm:

- Cung cấp những sản phẩm đảm bảo an toàn, tuân thủ các tiêu chuẩn và qui định, với giá trị và chất lượng vượt trội.
- Đa dạng hóa sản phẩm; tích cực nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm mới, độc đáo, các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Về quy mô sản xuất:

- Tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị hiện đại, tính tự động hóa cao; môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên làm việc chất lượng, hiệu quả, năng suất cao.

Về hiệu quả sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chăn nuôi; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tiết kiệm triển đề; mang lại hiệu quả cho Công ty, cổ đông và người lao động.

Phát triển mạnh mẽ chuỗi giá trị 3F:

- Mở rộng qui mô sản xuất, nâng cao sản lượng, chất lượng, đa dạng hóa các sản phẩm của mô hình chuỗi giá trị 3F (Farm – Feed – Food), đồng thời không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.

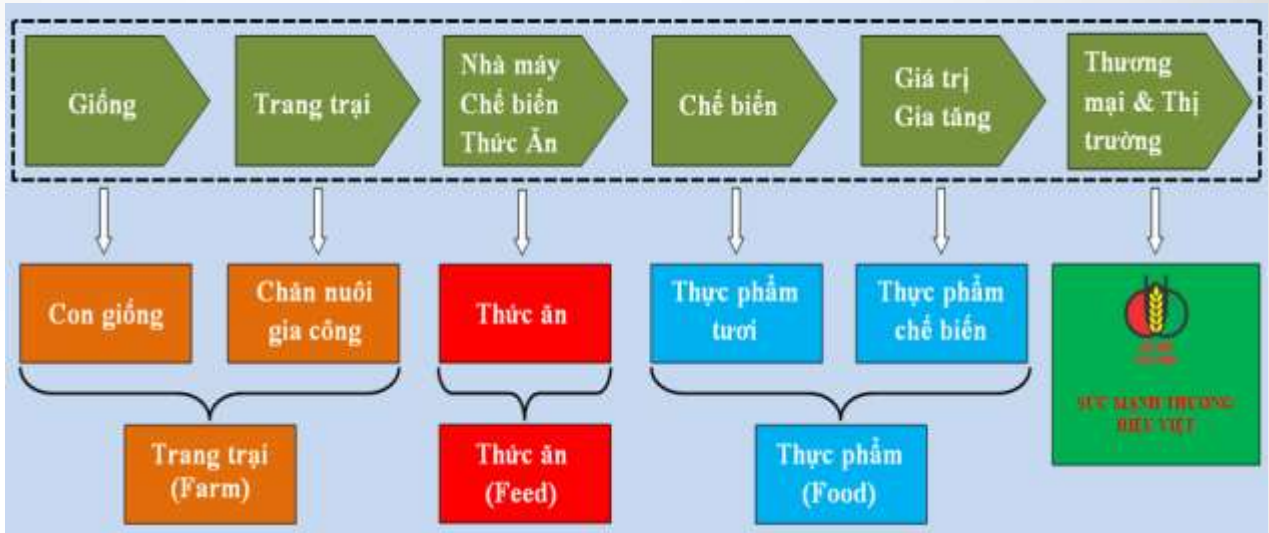
Hệ thống quản lý chất lượng:

- Quyết tâm xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000, HACCP, tiêu chuẩn GMP (đối với Nhà máy chế biến thực phẩm) và chương trình thực hành tốt 5S tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu ngày càng thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng.



❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Phát triển thành Tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín (**mô hình 3F**) gồm: “*Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (Food - Thực phẩm) song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO*”.



❖ **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Công ty:**

Nhận thức bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tất cả các nhà máy sản xuất, đơn vị chăn nuôi của công ty đều được đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại, tuân thủ đúng các tiêu chuẩn về môi trường theo qui định hiện hành. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đến trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua những hoạt động tài trợ, khuyến khích CBCNV, ban lãnh đạo đóng góp cho các chương trình từ thiện. Bằng cách này, công ty luôn đặt mục tiêu đóng góp nhiều nhất trong trách nhiệm xã hội của mình.



Tập đoàn DABACO Việt Nam trao nhà tình nghĩa cho Mẹ Việt Nam Anh Hùng Nguyễn Thị Ban, xã Hòa Long, TP. Bắc Ninh



Tập đoàn DABACO Việt Nam trao nhà tình nghĩa cho hộ nghèo Nguyễn Thị Nguyệt, huyện Thuận Thành, TP. Bắc Ninh



Tập đoàn Dabaco Việt Nam trao 1 tỷ đồng ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do bão số 10 tại tỉnh Hà Tĩnh



Đoàn Thanh niên Tập đoàn Dabaco Việt Nam thăm và tặng quà cho các bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Bắc Ninh

5. CÁC RỦI RO

Rủi ro tỷ giá

Biến động ngoại tệ là một trong những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi vì phần lớn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài và thanh toán bằng Đô la Mỹ.

Rủi ro tài chính

Đặc điểm của ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty cần phải dự trữ nguyên liệu nhằm chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, ổn định chất lượng và giá thành sản phẩm, Công ty phải sử dụng các nguồn vay nợ để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vì vậy, lãi suất vay là yếu tố quan trọng mà công ty phải quan tâm.

Rủi ro về nhân sự

Trang thiết bị hiện đại đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao, đặt ra nhu cầu phải đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó phải có cơ chế thu hút và giữ chân người tài, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự do mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

Rủi ro về cạnh tranh

Ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi có khả năng gia nhập ngành cao, có nhiều đối tượng gia nhập ngành, khiến công ty phải cạnh tranh với nhiều đối thủ mới, đa dạng và phức tạp, đặc biệt là các công ty nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia.

Rủi ro về dịch bệnh, điều kiện thời tiết

Điều kiện thời tiết biến đổi bất thường và dịch bệnh thường xuyên được xem là một trong các rủi ro không thể tránh khỏi mà các công ty trong ngành chăn nuôi nói chung và Tập đoàn DABACO Việt Nam nói riêng phải đối mặt. Hiện nay, vấn đề biến đổi khí hậu đang càng ngày trở nên phức tạp. Do đó, Công ty luôn chú trọng công tác vệ sinh, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001, tiêu chuẩn ISO 22000, HACCP, GMP

và chương trình thực hành tốt 5S nhằm chủ động kiểm soát và khống chế các dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm; đồng thời bảo đảm sản phẩm lợn, gà cung cấp ra thị trường luôn sạch, khoẻ mạnh và an toàn vệ sinh thực phẩm.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2017 là năm đặc biệt khó khăn đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp trong suốt nhiều năm qua. Giá thực phẩm giảm sâu trong cả năm, người chăn nuôi thua lỗ và phá sản phải giảm quy mô do áp lực về vốn. Đối với Tập đoàn Dabaco Việt Nam, một doanh nghiệp hoạt động trong toàn bộ chuỗi giá trị khép kín của ngành thì việc chịu tác động từ thị trường là điều không thể tránh khỏi. Tất cả các hoạt động trong ngành từ thức ăn chăn nuôi, giống, chăn nuôi tập trung, thực phẩm... đều bị tác động. Tuy nhiên, vượt qua những khó khăn, thách thức đó, với sự chỉ đạo trực tiếp, sát sao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, sự nỗ lực không ngừng của các đơn vị trong việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất, chăn nuôi, nâng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt mức tiên tiến của thế giới, liên tục cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm nên hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn được duy trì và ổn định.

❖ Lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi:

Năm 2017, lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi chịu nhiều tác động từ sự biến động chung của ngành chăn nuôi như: giá nguyên liệu thô đầu vào và thị trường tiêu thụ, đặc biệt là giá thịt lợn giảm sâu từ đầu năm khiến người chăn nuôi chịu thua lỗ, giảm đàn hoặc thay đổi cơ cấu thức ăn, dẫn đến sản lượng tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Năm 2017, sản lượng thức ăn chăn nuôi tiêu thụ đạt 88% kế hoạch.

Nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường, đội ngũ cán bộ nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Công ty đã không ngừng sáng tạo, cải tiến chất lượng, cho ra đời các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường.



Trung tâm điều khiển



Giám sát dây chuyền sản xuất



Quy trình đóng gói sản phẩm

❖ Lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ con giống (gà giống, lợn giống):

Năm 2017, bên cạnh các công ty sản xuất lợn giống đã hoạt động ổn định lâu dài, Tập đoàn đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động 4 công ty tại Phú Thọ, Hà Nam, Lương Tài và Hải Phòng. Do mới đi vào hoạt động trong bối cảnh thị trường khó khăn nên các công ty này hoạt động chưa có hiệu quả. Mặc dù thiệt hại do giá giảm sâu, song các chỉ tiêu kỹ thuật chính trong chăn nuôi như tỷ lệ đẻ, tỷ lệ sống, tỷ lệ cai sữa... đều đạt tốt, năng suất và chất lượng con giống luôn được cải tiến, được người chăn nuôi tin tưởng, lựa chọn.

Đối với gà giống, năm 2017, bên cạnh các giống gà màu đã khẳng định được vị thế trên thị trường như Gà Ji Dabaco, Gà Nòi Dabaco... Công ty gà giống đã lai tạo thành công và được thị trường ưa chuộng giống gà Tân Hồ. Ngoài ra, Công ty đã nuôi và bán ra thị trường

giống gà Mía thuần, Nòi thuần và Hồ thuần, đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển các giống gà bản địa với nhiều đặc tính ưu việt.



❖ Lĩnh vực chăn nuôi gà đẻ trứng:

- Năm 2017, bên cạnh các sản phẩm trứng gà tươi thông dụng, công ty tiêu thụ mạnh mẽ bộ 4 sản phẩm trứng giá trị gia tăng gồm Omega 3, DHA, Selen và Trứng gà vỏ xanh. Hiện tại, các sản phẩm trứng của công ty đã được phân phối ở hầu hết các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Mục tiêu của công ty phấn đấu đạt được 40% là các sản phẩm trứng giá trị gia tăng. Đặc biệt, công ty còn hợp tác với Viện dinh dưỡng Quốc gia tiến hành nghiên cứu, ứng dụng đề tài khoa học nhằm tạo ra các sản phẩm trứng có giá trị dinh dưỡng cao, có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng.



Trứng gà xanh



Trứng gà Omega 3



Trứng gà DHA



Trứng gà Selen

Hiện tại, công ty cũng đang chuẩn bị cho ra mắt sản phẩm trứng gà ăn liền bổ sung một số thảo dược quý, đảm bảo dinh dưỡng, tiện lợi, an toàn, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, đồng bộ, kiểm soát chặt chẽ về vệ sinh an toàn thực phẩm từ khâu lựa chọn giống, thức ăn – chăn nuôi gà đẻ trứng – thu trứng bằng hệ thống băng tải tự động – xử lý và khử trùng trứng bằng tia cực tím – đưa vào dây chuyền chế biến, kết hợp với các bí quyết về công thức và gia vị, tạo ra sản phẩm trứng ăn liền độc đáo.

❖ Lĩnh vực chăn nuôi lợn thịt:

Năm 2017, lĩnh vực chăn nuôi lợn thịt chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do giá lợn xuống thấp kỷ lục và tiêu thụ khó khăn từ hậu quả của cuộc khủng hoảng thừa kéo dài từ cuối năm 2016, có thời điểm giá lợn thịt xuống dưới 20.000 đồng/kg, doanh thu cả năm của mảng lợn thịt đạt 731 tỷ đồng, bằng 73% kế hoạch.

Nhằm kiểm soát chặt chẽ các chi phí trong chăn nuôi, đảm bảo chất lượng sản phẩm từ đầu vào cho đến đầu ra, năm 2017, Tập đoàn đã đầu tư Khu chăn nuôi lợn thịt tập trung trên diện tích 40 ha tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, với quy mô 60.000 con lợn thịt thường xuyên, dự kiến quý 2/2018 sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động.



Năm 2017, lĩnh vực chế biến thực phẩm cũng gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của ngành chăn nuôi, giá thịt, trứng giảm sâu cũng khiến cho giá các sản phẩm chế biến từ thịt bị giảm và tiêu thụ khó khăn. Mặc dù vậy, Công ty cũng nhận thức rõ đây là khâu hết sức quan trọng trong chuỗi 3F và phù hợp với xu thế tiêu dùng hiện đại, nhằm kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng đảm bảo dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Do vậy, HĐQT đã quyết định tái cấu trúc lại công ty thực phẩm trên cơ sở hợp tác với Tập đoàn Kido nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.



❖ Lĩnh vực thương mại và dịch vụ:

Công ty hiện có 05 Hệ thống siêu thị, Trung tâm thương mại hoạt động ổn định trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động của các Siêu thị, Trung tâm thương mại đã đóng góp tích cực vào mục tiêu trọng tâm phát triển thương mại, dịch vụ cho Đô thị loại I của Tỉnh; đồng thời góp phần xây dựng thói quen tiêu dùng văn minh, hiện đại, nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Ngày 15/01/2017, Công ty đã khánh thành và đưa vào hoạt động Trung tâm thương mại Dabaco Từ Sơn có qui mô lớn và hiện đại, với đầy đủ các phân khu chức năng như hệ thống bán lẻ, hệ thống nhà hàng, nhà sách, cụm rạp chiếu phim...

Hiện tại, Công ty cũng đang khẩn trương hoàn tất việc lắp đặt thiết bị, giá kệ, chuẩn bị nguồn hàng, nhân sự để đưa Trung tâm thương mại tại huyện Quế Võ vào hoạt động trước ngày 30/4/2018, phục vụ nhu cầu mua sắm, vui chơi giải trí của nhân dân.

Song song đó, Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư Trung tâm thương mại tại huyện Yên Phong, dự kiến cuối đầu năm 2019 sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động.

❖ Lĩnh vực sản xuất bao bì và bạt nhựa:

Năm 2017, Nhà máy bao bì Hiệp Quang sản xuất và tiêu thụ 53 triệu sản phẩm các loại gồm bao bì PP, PE và túi dùng cho siêu thị, trong đó 30% sản lượng phục vụ các Nhà máy TACN của Tập đoàn, 50% bán ra thị trường nội địa và 20% xuất khẩu trực tiếp sang các nước như Hàn Quốc, Hoa Kỳ...

Năm 2017, Tập đoàn hoàn thành việc đầu tư Nhà máy sản xuất bột nhựa xuất khẩu Việt – Hàn. Bước đầu sản phẩm bột nhựa đã được tiêu thụ rộng rãi trong nước và xuất khẩu sang thị trường các nước Hàn Quốc, Băng La đét, Ấn độ...



Bao dệt PP thường



Bao dệt PP phức màng



Túi dệt PP siêu thị

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách Ban điều hành

1. Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Khắc Thảo
Năm sinh	1957
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	1,12%
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
10/1979 – 09/1982	Cán bộ nghiệp vụ thống kê công ty bán lẻ CNP Sơn Động, Lục ngạn, Bắc Giang
10/1982 – 10/1985	Học Đại học Thương mại Hà Nội
11/1985 – 12/1996	Công tác tại công ty nông sản Bắc Ninh
01/2005 – 05/2008	Giám đốc Vật tư - XNK công ty CP Nông sản Bắc Ninh
05/2008 – 03/2011	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Dabaco Việt Nam
03/2011- 05/2015	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
05/2015 đến nay	Phó CT.HĐQT kiêm TGD Tập đoàn Dabaco Việt Nam

2. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Tuấn
Năm sinh	1958
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0,1%
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chăn nuôi thú y, thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
10/1982 – 12/1994	Công tác tại huyện Thuận Thành, Hà Bắc
01/1995 – 12/1997	Công tác tại Công ty Vật tư Nông nghiệp Bắc Giang
01/1998 – 04/1999	Trưởng phòng kế hoạch Công ty Nông sản Bắc Ninh
05/1999 – 12/2004	Phó giám đốc Công ty Nông sản Bắc Ninh
01/2005 – 05/2008	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
05/2008 – 04/2015	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Dabaco Việt Nam

3. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thế Tường
Năm sinh	1970
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	1,06%
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ thú y, Thạc sỹ Nông nghiệp
Quá trình công tác	
05/1996 – 06/1999	Phó phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Hà Bắc
07/1999 – 12/2004	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Bắc Ninh
01/2005 – 05/2008	Thành viên HĐQT, Giám đốc kỹ thuật chất lượng Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
05/2008 – 05/2015	TV HĐQT, GD KT-CL Tập đoàn DABACO Việt Nam
05/2015 – nay	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam

4. Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Năm sinh	1964
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	1,7%
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ 06/1986 đến 04/1996	Công tác tại Trường cán bộ thống kê trung ương
Từ 05/1996 đến 12/2004	Phó phòng Tài vụ, Trưởng phòng Tài vụ, Kế toán trưởng Công ty Nông sản Bắc Ninh
Từ 01/2005 đến 05/2008	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh
Từ 05/2008 đến 03/2011	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần DABACO Việt Nam
Từ 03/2011 đến 05/2015	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam
Từ 05/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam

5. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Kích
Năm sinh	1954
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0%
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chăn nuôi
Quá trình công tác	
Từ 10/1974 đến 10/1977	Bộ đội
Từ 10/1977 đến 04/1982	Chi ủy viên bí thư chi đoàn CN 11B, Ủy viên BCH đoàn trường Trường Đại học Nông nghiệp II
Từ 05/1982 đến 05/1987	Cán bộ tinh đoàn Hà Bắc
Từ 06/1987 đến 08/1988	Cán bộ văn phòng huyện ủy huyện Tiên Sơn - Hà Bắc

Từ 09/1988 đến 08/1989	Huyện ủy viên - Quyền chánh văn phòng huyện ủy Huyện Tiên Sơn
Từ 09/1989 đến 09/1991	Chi ủy viên Lớp phó lớp Cao đẳng quản lý nhà nước 89-91 Học viện hành chính quốc gia
Từ 10/1991 đến 04/1996	Huyện ủy viên Chánh văn phòng huyện ủy Huyện Tiên Sơn
Từ 05/1996 đến 08/1997	Huyện ủy viên – Chủ tịch liên đoàn lao động huyện Tiên Sơn
Từ 08/1997 đến 08/1999	Ủy viên BTV huyện ủy trưởng ban dân vận huyện ủy
Từ 09/1999 đến 11/2000	Ủy viên BTV Huyện ủy – Phó Chủ tịch thường trực UBND huyện Tiên Du
Từ 12/2000 đến 10/2005	Phó Bí thư huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Tiên Du
Từ 11/2005 đến 02/2008	Chi cục trưởng Kiểm Lâm Bắc Ninh
Từ 03/2008 đến 12/2010	Phó Giám đốc Sở Khoa Học và Công Nghệ
Chức vụ công tác hiện nay	Phó TGD Tập đoàn DABACO Việt Nam

6. Phó Tổng Giám đốc	Ông Phạm Văn Học
Năm sinh	1978
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0,01%
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ thú y, thạc sỹ chăn nuôi
Quá trình công tác	
Năm 2001 – 2003	Công tác tại Công ty CP Việt Nam – Thái Lan
Năm 2003 – 05/2009	Trung tâm khuyến nông Bắc Ninh
09/2009 – 06/2010	Phòng kế hoạch Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
07/2010 – 02/2011	PGĐ Cty Lợn giống Dabaco - CT CP Dabaco Việt Nam
03/2011 – 05/2014	Giám đốc Công ty TNHH Lợn giống Dabaco – Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Chức vụ hiện nay	Phó TGD Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam

7. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thế Chinh
Năm sinh	1962
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0%
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
12/1985 – 03/1986	Cán bộ Sở Nông nghiệp Hà Bắc
04/1986 – 05/1995	Chuyên viên Sở Lao động – Thương binh và xã hội Hà Bắc
06/1995 – 12/1996	Chuyên viên Cục Đầu tư phát triển Hà Bắc
01/1997 – 12/1999	Phó phòng Kế hoạch thẩm định – Chi cục Đầu tư phát triển Bắc Ninh
01/2000 – 12/2001	Phó phòng Kế hoạch nguồn vốn – Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bắc Ninh
01/2002 – 06/2003	Chuyên viên Sở Xây dựng Bắc Ninh
07/2003 – 7/2006	Phó phòng Kỹ thuật Giám định – Sở Xây dựng Bắc Ninh
08/2006 – 6/2009	TP quản lý chất lượng – Sở Xây dựng Bắc Ninh
07/2009 – 4/2016	TP quản lý Hạ tầng – Sở Xây dựng Bắc Ninh
11/2016 – nay	Phó TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

8. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Tuế
Năm sinh	1956
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0,01%
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ nông nghiệp – Chuyên ngành chăn nuôi động vật
Quá trình công tác	
Năm 1981 – 1993	Công tác tại Sở Nông nghiệp Hà Bắc
Năm 1993 – 1996	Phó giám đốc Trung tâm khuyến nông tỉnh Hà Bắc
Năm 1997 – 2008	Giám đốc Trung tâm khuyến nông tỉnh Hà Bắc
Năm 2008 – 2009	Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản tỉnh Bắc Ninh
Năm 2009 – 2010	Giám đốc nhà máy TACN cao cấp NUTRECO
Năm 2010 – tháng 10/2017	Giám đốc công ty TNHH Nutreco
Từ tháng 10/2017 - đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Dabaco Việt Nam kiêm Giám đốc công ty TNHH Nutreco

❖ Thay đổi nhân sự:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc	06/09/2016	14/07/2017
Nguyễn Văn Tuế	Phó Tổng Giám đốc	02/10/2017	

❖ Cơ cấu trình độ lao động:

Năm 2017, cơ cấu trình độ lao động trong công ty như sau: Đại học và trên Đại học chiếm 33,2%; Cao đẳng, Trung cấp, nghề chiếm 48,2%; Còn lại là lao động phổ thông đào tạo tại chỗ; đáp ứng yêu cầu quản trị, quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh của công ty theo xu hướng phát triển đa ngành, đa lĩnh vực.

❖ Những chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

DABACO xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì vậy trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, các giải pháp tập trung nhằm xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ trong các lĩnh vực then chốt, xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện, đánh giá theo thành tích, đào tạo để hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp... được phát triển và liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của DABACO.

DABACO trân trọng những giá trị do các thành viên tạo ra và đóng góp vào thành công chung của Tập đoàn, không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc dân tộc... mang đến cho các thành viên một môi trường làm việc năng động, công bằng, mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện để hướng đến sự thành công và phát triển sự nghiệp tại DABACO.

Chính sách tuyển dụng nhân sự

Trong bối cảnh gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN và quốc tế, các doanh nghiệp trong nước không những phải đối mặt với sự cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ - sản phẩm mà còn đứng trước nguy cơ cạnh tranh nhằm tìm kiếm và giữ chân nhân tài với các doanh nghiệp trong cộng đồng kinh tế. Để thu hút đội ngũ nhân sự, các hoạt động tuyển dụng của DABACO được triển khai rõ ràng, minh bạch với quy trình đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo sự công bằng, tạo cơ hội cho tất cả mọi người. DABACO luôn mong muốn chào đón những ứng viên năng động, nhiệt huyết và giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những thách thức đến từ công việc và môi trường kinh doanh của DABACO.

Chính sách đào tạo nhân sự

Với hoạt động sản xuất kinh doanh đa lĩnh vực, đa ngành nghề, DABACO luôn phải đối mặt với những thách thức lớn đến từ đối thủ cạnh tranh, sự biến động kinh tế vĩ mô và những thay đổi của thị trường tài chính trong nước và thế giới. Để nắm bắt và thích ứng nhanh với những thay đổi đó, các thể hệ cán bộ, nhân viên DABACO phải không ngừng học tập để góp phần phát triển và đạt được nhiều thành quả to lớn trong suốt hơn 22 năm xây dựng và trưởng thành.

Với định hướng phát triển bền vững theo hình thức tập đoàn kinh tế đa ngành nghề, Dabaco luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng và thị trường. Sau 22 năm xây dựng và trưởng thành, với vị thế, uy tín, thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường trong nước cũng như khu vực, chiến lược kinh doanh cho những năm tiếp theo được tập đoàn xác định với trọng tâm là ưu tiên hàng đầu cho công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong thời đại kinh tế tri thức, yếu tố về con người được xem là nhân tố tiên quyết đối với sự phát triển, vì vậy, chính sách nhân sự nói chung luôn được Dabaco quan tâm và xây dựng theo hướng ngày càng chuyên nghiệp.

Trong năm 2017, DABACO tập trung xây dựng, hoàn thiện chính sách, quy chế, quy trình quản lý đào tạo xuyên suốt từ Công ty mẹ Tập đoàn đến các Công ty con để đảm bảo cơ chế, hệ thống quản lý thống nhất nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ và bền vững. DABACO đã triển khai các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên Tập đoàn. Các khóa học này nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết, trao đổi, nắm bắt thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu, tăng cường tình đoàn kết giữa đội ngũ cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống DABACO.

Chính sách đối với người lao động

Với phương châm người lao động phải thật sự làm chủ doanh nghiệp, lãnh đạo công ty đã triển khai kịp thời đầy đủ các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của nhà nước đến người lao động bằng việc xây dựng, ban hành các nội quy, quy chế, quy định trong doanh nghiệp để người lao động tham gia đóng góp. Người lao động được cử đại diện của mình tham gia hội đồng doanh nghiệp thực hiện các chính sách tiền lương, tiền thưởng phúc lợi, chế độ nâng lương nâng bậc, thi đua khen thưởng, kỉ luật,...

Tập đoàn luôn đặt ra yêu cầu phải xây dựng một môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo nhằm mang lại sự sung túc cho người lao động và gia đình.

Mặc dù năm 2017 là năm Tập đoàn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, song Tập đoàn vẫn nỗ lực duy trì mức thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho người lao động, tạo động lực cho CBCNV yên tâm công tác, cống hiến và gắn bó lâu dài với Tập đoàn. Ngoài ra, Tập đoàn còn chú trọng xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý, khuyến khích và đãi ngộ tốt đối với người lao động có trình độ, tâm huyết. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động. Tạo môi trường tốt nhất để cán bộ nhân viên trong Công ty phát huy hết khả năng, tận tâm phục vụ vì mục tiêu phát triển chung của tập thể.

Chính sách phúc lợi cho Cán bộ công nhân viên

Bên cạnh việc chăm lo nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ, công nhân viên: trợ cấp khó khăn như hỗ trợ xây nhà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn; tập đoàn còn rất quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động, Tập đoàn đã cùng với tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động nhằm động viên cán bộ, người lao động yên tâm công tác, tích cực thi đua lao động sản xuất như: Thường xuyên tổ chức thăm hỏi động viên người lao động khi ốm đau, hiếu hỷ, tổ chức sinh nhật cho người lao động. Hàng năm, Tập đoàn tổ chức tặng quà cho CBCNV nữ nhân dịp 8/3; Tặng quà cho các cháu là con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết trung thu, các cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi, đỗ đại học...



3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Theo Báo cáo tài chính hợp nhất)

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	5.529.271.823.459	6.989.215.957.214	26,4
Doanh thu thuần	6.255.922.594.794	5.855.465.135.495	-6,4
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	371.852.646.647	275.612.675.075	-25,9
Lợi nhuận khác	150.898.444.344	3.187.464.962	-97,9

Lợi nhuận trước thuế	522.751.090.991	278.800.140.037	-46,7
Lợi nhuận sau thuế	451.218.626.346	200.105.222.090	-55,7
Tỷ lệ cổ tức	15%	10%	-33,3

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,23	0,96
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,57
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,58	0,64
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,36	1,79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,0	4,6
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,13	0,84
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,2	3,4
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19,3	8,0
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,2	2,9
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,9	4,7

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

❖ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: **82.818.465** cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

❖ Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 15/03/2017:

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	60.317.500	73
	- Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)	23.809.084	29
	- Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)	15.478.839	18,7
	- Cổ đông tổ chức	10.375.664	12,5
	- Cổ đông cá nhân	49.941.836	60
II	Cổ đông nước ngoài	22.500.965	27
	- Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)	7.221.456	8,7
	- Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)	4.529.011	5,5
	- Cổ đông tổ chức	22.095.580	26,7
	- Cổ đông cá nhân	405.385	0,5
	Tổng cộng:	82.818.465	100

Danh sách cổ đông lớn cập nhật ngày 15/03/2017:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Như So	Số 87 Lê Văn Thịnh, P.Suối Hoa, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	15.132.554	18,3
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	8.676.530	10,5
3	Fraser Investment Holdings Pte.Ltd	1 Raffles Place, #29-02 One Raffles Place, Singapore (048616)	7.221.456	8,7
	Tổng cộng:		31.030.540	37,5

❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

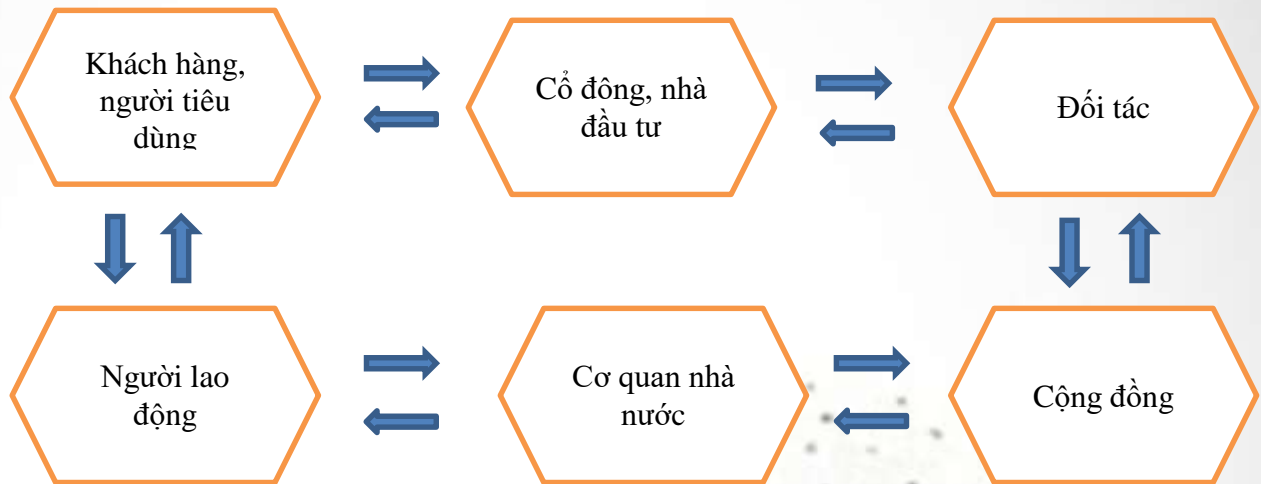
Năm 2017, Công ty thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2016 cho các cổ đông. Tổng số cổ phiếu trước khi phát hành là: 75.289.959 cổ phiếu. Số cổ phiếu phát hành là: 7.528.506 cổ phiếu (tương đương 10% vốn điều lệ). Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành là: 82.818.465 cổ phiếu (tương đương 828.184.650.000 đồng).

- ❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có
- ❖ **Các chứng khoán khác:** Không có

5. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Trong xu hướng hội nhập ngày càng mạnh mẽ, để hòa mình vào dòng chảy toàn cầu, xuyên suốt hành trình phát triển, Tập đoàn đã ý thức rõ trách nhiệm của mình không chỉ với khách hàng, cổ đông, người lao động mà còn với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn DABACO tập trung vào các nội dung sau:



Tập đoàn DABACO Việt Nam là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình chuỗi giá trị từ con giống, thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi gia công và chế biến thực phẩm. Mô hình này gắn liền với nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam. Trong chiến lược phát triển của mình Tập đoàn luôn đặt mục tiêu phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm với xã hội như một nhiệm vụ, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Nhận thức được điều này, trong quá trình phát triển, Tập đoàn luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Là một trong những doanh nghiệp nông nghiệp hàng đầu tại Việt Nam, Tập đoàn Dabaco nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của mình đến cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội. Tập đoàn luôn xác định chỉ có thể thực hiện thành công chiến lược phát triển bền vững khi thực hiện kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với mục tiêu thực thi trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng và môi trường. Đồng thời, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan với hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.1. Mối quan hệ bền vững với các bên liên quan:

❖ **Đối với khách hàng, người tiêu dùng:**

Tập đoàn cam kết cung cấp cho khách hàng, người tiêu dùng những sản phẩm đảm bảo an toàn và chất lượng hàng đầu bằng tất cả sự trân trọng tình yêu và trách nhiệm của mình đối với con người và xã hội.



Đa dạng hóa sản phẩm và tạo ra những giá trị mới cho sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.

Cung cấp tất cả các dịch vụ nhanh chóng, kịp thời, đồng thời, đảm bảo cơ hội cạnh tranh công bằng trên thị trường cho khách hàng. Cam kết không cung cấp, chia sẻ thông tin kinh doanh của khách hàng với đối thủ cạnh tranh của khách hàng đó.



❖ *Đối với cổ đông, nhà đầu tư:*

Công bố thông tin minh bạch, chính xác, trung thực, đầy đủ, rõ ràng và kịp thời, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi nhà đầu tư.

Đảm bảo cho các cổ đông, nhà đầu tư một khoản đầu tư an toàn, sinh lợi bền vững.

Tập đoàn duy trì kênh thông tin hiệu quả cho các cổ đông, nhà đầu tư thông qua: Website, Báo cáo thường niên, các cuộc gặp gỡ trực tiếp, trả lời qua email, trả lời qua điện thoại và các hoạt động khác.



❖ *Đối với người lao động:*

Bên cạnh các chế độ đãi ngộ đối với người lao động, Tập đoàn luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết, cạnh tranh, thi đua, học tập để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo của mình trong công việc.

Tập đoàn cam kết đảm bảo đầy đủ các lợi ích và quyền lợi chính đáng của người lao động theo qui định của Bộ luật lao động và các qui định khác của Nhà nước có liên quan.



❖ *Đối với đối tác:*

Hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi, minh bạch và có trách nhiệm với xã hội.



❖ **Đối với chính quyền, cơ quan Nhà nước:**

Tuyệt đối tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước. Thực hiện các nghĩa vụ thuế và đóng góp Ngân sách địa phương theo qui định.



❖ **Đối với cộng đồng:**

Có trách nhiệm chia sẻ, hỗ trợ góp phần nâng cao, cải thiện và phát triển cuộc sống cộng đồng.



5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Năm 2017, công tác đảm bảo vật tư – nguyên liệu cũng gặp nhiều khó khăn do biến động giá cả khó lường. Tuy nhiên, bộ phận thu mua đã đảm bảo đủ lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất và dự trữ theo kế hoạch; Tham mưu, đề xuất thu mua nguyên liệu với giá cả hợp lý; Sắp xếp việc tiếp nhận nguyên liệu kịp thời, giảm chi phí phát sinh như: lưu cont, lưu bãi...

5.3. Tiêu thụ năng lượng và nước:

Tập đoàn tích cực nghiên cứu đổi mới, cải tiến trang thiết bị và tìm kiếm các giải pháp tiết kiệm năng lượng và nước phục vụ sản xuất, giảm chi phí và thân thiện với môi trường.

5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Tập đoàn luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện đầu tư đầy đủ các hệ thống xử lý khí thải, nước thải tại tất cả các đơn vị. Tuân thủ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trước khi triển khai xây dựng; Thực hiện quan trắc môi trường mỗi năm 2 lần và lập báo cáo hiện trạng môi trường định kỳ nộp cho các cơ quan quản lý môi trường để kịp thời khắc phục những ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn qui định.

Đồng thời, Tập đoàn tập trung đầu tư nâng cao cơ sở hạ tầng và cải tiến công nghệ nhằm hạn chế và giảm tác động tiêu cực tới môi trường, bảo vệ môi trường một cách bền vững.

❖ **Đối với sản xuất thức ăn chăn nuôi:**

- Do tính chất sản xuất của Nhà máy, sau ngày làm việc quản đốc phân xưởng kiểm tra nhắc nhở công nhân làm tốt công tác vệ sinh khu vực mình làm, nhất là bộ phận tiếp liệu và nguyên liệu bổ sung. Sau mỗi tuần sản xuất, tổng vệ sinh trong và ngoài nhà máy.

- Hàng năm, Tập đoàn đều phát động phong trào trồng cây xanh bao quanh nhà máy, vừa làm tăng mỹ quan, vừa làm xanh, sạch môi trường. Sử dụng hệ thống nước máy công nghiệp và bể chứa dự trữ đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho sản xuất, sinh hoạt. Hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xây bằng gạch đảm bảo thoát nhanh nhất, đáy bê tông và có nắp đậy bằng tấm đan đổ bê tông.

- Áp dụng nhiều phương pháp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn và bụi tới khu vực xung quanh, bảo vệ sức khỏe cho công nhân trực tiếp sản xuất.

- Quy trình công nghệ dây chuyền sản xuất của nhà máy được đánh giá là không ảnh hưởng đến môi trường, tiếng ồn và nồng độ bụi nằm trong giới hạn cho phép, đảm bảo TCVN do Bộ Tài nguyên và môi trường qui định.

❖ **Đối với các đơn vị sản xuất con giống gia súc, gia cầm:**

- Nguồn nước thải sau sản xuất đáp ứng đúng tiêu chuẩn quy định trước khi xả ra hệ thống chung của tỉnh Bắc Ninh bằng việc đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống biogas, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, theo phương pháp keo tụ - tạo bông, kết hợp với sinh học hiếu khí cho tất cả các đơn vị sản xuất, chăn nuôi. Trồng cây xanh xung quanh khu vực chăn nuôi, thực hiện các biện pháp chăn nuôi thú y và các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh sạch sẽ trong và ngoài công ty...

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải với công nghệ xử lý hiện đại nhất hiện nay được nhập khẩu từ Nhật Bản, bao gồm hệ thống xử lý nước thải, dây chuyền xử lý phân tập trung, dây chuyền máy ép viên đóng bao, thiết bị tách phân, thiết bị xử lý xác gia súc, gia cầm, đảm bảo giải quyết triệt để các ảnh hưởng đối với môi trường, đồng thời tạo ra nguồn nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ đáp ứng nhu cầu của ngành trồng trọt.

- Tích cực tham gia hưởng ứng ngày môi trường thế giới và tuần lễ quốc gia về môi trường hàng năm với các hình thức như: Tổ chức tuyên truyền bằng hình thức treo băng rôn hưởng ứng tại trụ sở làm việc; tổ chức cho các đoàn thanh niên của các chi đoàn trực thuộc tham gia các hoạt động về môi trường như: trồng cây xanh, dọn dẹp vệ sinh môi trường sống xung quanh...; tích cực đóng góp cho phong trào “Toàn dân xây dựng nông thôn mới”...

Nhờ thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ môi trường nên liên tục trong suốt những năm qua Tập đoàn được Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Ninh đánh giá là đơn vị đi đầu, luôn chấp hành tốt và không vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Thu nhập của người lao động:

- Năm 2017 Công ty đảm bảo mức thu nhập bình quân cho người lao động là 8,6 triệu đồng/người/tháng; 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, áp dụng đúng thời gian thử việc theo quy định.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật lao động và nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi; ngày làm việc 8 giờ; nghỉ giữa ca...

- Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ nghỉ ngơi như: nghỉ tuần, nghỉ lễ, nghỉ phép... Việc chấm công được ghi chép đầy đủ.

- Tổ chức cho toàn thể CBCNV-LĐ ăn bữa ăn ca miễn phí đảm bảo sạch sẽ, đủ dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như thăm hỏi, thanh toán các chế độ ốm đau, thai sản... thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm thân thể cho người lao động theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước; làm tốt công tác BHLĐ, vệ sinh lao động, ký kết và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV-LĐ...

- Tổ chức thăm hỏi CBCNV-LĐ lúc ốm đau, thai sản, sinh nhật, đám hiếu, hỷ của bản thân người lao động và tứ thân phụ mẫu; tặng quà cho cán bộ nữ CNVC –LĐ nhân dịp 8/3; tặng quà cho các cháu là con cán bộ công nhân viên công ty có thành tích học tập tốt, ngày Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung thu...

- Luôn tạo điều kiện cho NLĐ được tham gia ý kiến, quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của NLĐ như chính sách tiền lương, nội quy lao động, nội quy PCCC, nội quy ra vào cơ quan.

- Luôn chú trọng đến chất lượng công tác xây dựng và ký kết TULĐTT với chính sách ưu đãi thu hút nhân tài, lao động có tay nghề cao, tạo sự gắn bó giữa người lao động với doanh nghiệp. Duy trì việc ký kết TULĐTT, thường xuyên bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với chính sách mới của Nhà nước liên quan đến quyền và lợi ích của NLĐ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Đối với công nhân lao động trực tiếp: Thực hiện công tác đào tạo tại chỗ, đảm bảo công nhân đạt kỹ năng thuần thục công việc tại vị trí đảm nhận.

- Đối với cán bộ, nhân viên thị trường: Đào tạo về chuyên môn, đào tạo thực nghiệm tại trại, kỹ năng bán hàng, kỹ năng mềm....; Phối hợp với các đối tác của công ty tổ chức các buổi đào tạo về kỹ thuật nhằm nâng cao kỹ năng bán hàng và trình độ chăn nuôi thú y cho đội ngũ cán bộ, nhân viên thị trường.

- Đối với cán bộ quản lý, kỹ thuật: Thường xuyên được cử đi đào tạo, tập huấn tại các cơ sở đào tạo, các Tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

- Các đối tượng khác, tùy theo đặc thù công việc, công ty tổ chức các khóa đào tạo tại đơn vị hoặc cử cán bộ theo học như: quản lý sản xuất, kho tàng, cơ điện, quản lý chi phí, vật tư, kế toán, bán hàng...

5.6. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong những năm qua, công ty luôn chủ động, tích cực thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua các chương trình như:

- Vận động toàn thể CBCNV tham gia ủng hộ “quỹ mái ấm công đoàn”, “quỹ hỗ trợ người nghèo” của địa phương, quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai....
- Hỗ trợ sản phẩm cho người chăn nuôi tại các vùng khó khăn.

Kết quả hoạt động thực tế cho thấy, việc hỗ trợ cộng đồng không chỉ là sợi dây liên kết giữa nhà sản xuất với người sử dụng sản phẩm về mặt tinh thần mà nó còn mang lại lợi ích kinh tế không nhỏ do việc tin tưởng vào sản phẩm và uy tín của Tập đoàn, và chính họ là những người mở rộng thêm những mối quan hệ mới cho công ty.



Tập đoàn DABACO Việt Nam trao nhà tình nghĩa cho hộ nghèo tại huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh



Tập đoàn DABACO Việt Nam tặng ô tô điện cho xã lạc vệ, huyện Nam Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh đưa đón xã



Tập đoàn DABACO Việt Nam đưa đón xã Nhân Đạo, huyện Lý học sinh tới trường học Nhân, tỉnh Hà Nam

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Đánh giá chung, năm 2017 có thể nói là năm cực kỳ khó khăn đối với ngành nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt là ngành chăn nuôi lợn, giá thực phẩm giảm sâu trong thời gian dài đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi của Tập đoàn.

Tuy nhiên, nhờ chính sách điều hành linh hoạt, nhạy bén và thích ứng nhanh, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra những quyết sách phù hợp và kịp thời, chỉ đạo quyết liệt từng nhóm giải pháp đối với từng đơn vị, tiết kiệm triệt để tất cả các chi phí nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành, giảm bớt thiệt hại do ảnh hưởng của giá cả thị trường. Kết quả cả năm tuy chưa đạt kỳ vọng, song Tập đoàn vẫn đạt mức lợi nhuận sau thuế là 200 tỷ đồng. Đây là kết quả của sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng của Tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV Tập đoàn trong bối cảnh tình hình của ngành hết sức khó khăn.

❖ **Những tiến bộ công ty đã đạt được năm 2017:**

- Hoàn thiện và đưa vào hoạt động ổn định phòng phân tích hiện đại cho nhà máy NASACO Hà Nam, xây dựng xong đường chuẩn phân tích nhanh bằng máy NIR cho tất cả các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm với độ chính xác cao.

- Tiến hành nhiều khảo nghiệm lựa chọn những phụ gia có hiệu quả; khảo nghiệm các mức dinh dưỡng khác nhau, các quy trình nuôi khác nhau để tìm ra nhu cầu dinh dưỡng tối ưu cho từng loại vật nuôi, từng giai đoạn nuôi. Từ đó đưa ra các quy trình chăn nuôi mới áp dụng cho thị trường và cho chăn nuôi gia công nhằm phát huy tối đa lợi thế của từng sản phẩm và tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Lai tạo thành công giống gà Tân Hồ và cùng với các giống gà màu của Công ty đang dần gia tăng thị trường tiêu thụ trên cả nước.

- Các giống gà bố mẹ và gà thương phẩm có giá trị cao do công ty nghiên cứu, lai tạo thành công được người tiêu dùng ưa thích như: Gà J-DABACO, Gà 9 cựa, Bộ 3 Gà Nòi (Gà Nòi chân vàng, Gà Nòi ô tía và Gà Nòi sọc đen); Gà đẻ trứng xanh; Gà thảo dược...

- Tiếp tục quảng bá rộng rãi bộ nhận diện thương hiệu các sản phẩm trứng gà Dabaco, đặc biệt là bộ 4 loại trứng giá trị gia tăng (Omega3, DHA, Selen và Trứng vỏ xanh).

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

❖ **Tình hình tài sản**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Chênh lệch	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
Tài sản ngắn hạn	3.327.953.697.400	47,6	3.228.355.446.050	58,4	99.598.251.350	3,1
Tiền và các khoản tương đương tiền	225.860.064.701	3,2	279.750.579.921	5,1	(53.890.515.220)	(19,3)

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	412.960.275.514	5,9	369.523.819.498	6,7	43.436.456.016	11,8
Các khoản phải thu ngắn hạn	568.369.376.246	8,1	595.261.641.829	10,8	(26.892.265.583)	(4,5)
Hàng tồn kho	2.037.872.432.223	29,2	1.937.658.395.282	35	100.214.036.941	5,2
Tài sản ngắn hạn khác	82.891.548.716	1,2	46.161.009.520	0,8	36.730.539.196	79,6
Tài sản dài hạn	3.661.262.259.814	52,4	2.300.916.377.409	41,6	1.360.345.882.405	59,1
Tài sản cố định	2.528.553.445.997	36,2	1.400.713.615.637	25,3	1.127.839.830.360	80,5
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	87.233.693.082	1,2	20.600.000.000	0,4	66.633.693.082	323,5
Tài sản dài hạn khác	72.153.168.788	1,0	15.917.265.085	0,3	56.235.903.703	353,3
Lợi thế thương mại	2.363.584.529	0,03	3.545.376.809	0,1	(1.181.792.280)	(33,3)
Tổng tài sản	6.989.215.957.214	100	5.529.271.823.459	100	1.459.944.133.755	26,4

Tổng tài sản của Tập đoàn tính đến ngày 31/12/2017 là 6.989.215 triệu đồng, tăng 26,4% so với năm 2016. Kết cấu tài sản của Tập đoàn có sự tương đương giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ lệ 47,6% trên tổng tài sản năm 2017, tài sản dài hạn chiếm tỷ lệ 52,4% trên tổng tài sản năm 2017. Trong đó, tốc độ gia tăng của tài sản dài hạn có phần nhanh hơn tốc độ gia tăng của tài sản ngắn hạn.

Tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kết cấu tài sản cho thấy giá trị doanh nghiệp mang tính lâu dài, bền vững. Bên cạnh đó, hàng tồn kho chiếm 29% trong kết cấu tài sản, phù hợp với doanh nghiệp kinh doanh hàng nông sản. Việc mở rộng quy mô dự trữ hàng tồn kho phù hợp với tình hình kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Tình hình nguồn vốn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Chênh lệch	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
Nợ phải trả	4.486.599.351.977	64,2	3.190.129.918.957	57,7	1.296.469.433.020	40,6
Nợ ngắn hạn	3.462.415.430.265	49,5	2.629.726.611.851	47,6	832.688.818.414	31,7
Nợ dài hạn	1.024.183.921.712	14,7	560.403.307.106	10	463.780.614.606	82,8
Vốn chủ sở hữu	2.502.616.605.237	35,8	2.339.141.904.502	42,3	163.474.700.735	7,0
Vốn chủ sở hữu	2.502.616.605.237	35,8	2.339.141.904.502	42,3	163.474.700.735	7,0
Tổng nguồn vốn	6.989.215.957.214	100	5.529.271.823.459	100	1.459.944.133.755	26,4

Tương ứng với sự gia tăng của tài sản là sự gia tăng của nguồn vốn. Tổng nguồn vốn cuối năm 2017 tăng 1.459.944 triệu đồng tương ứng mức tăng 26,4% so với năm 2016. Trong kết cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ lệ 64,2% trên tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ 35,8% trên tổng nguồn vốn năm 2017.

Trước sự gia tăng của tài sản, ngoài nguồn vốn chủ sở hữu hiện có, Tập đoàn sử dụng nhiều nguồn tài trợ khác để tài trợ cho sự tăng lên của tài sản, chủ yếu là nguồn tín dụng thương mại với người bán, vay ngắn hạn, dài hạn và nợ thuê tài chính.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Miễn nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc do chuyển công tác và bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực chăn nuôi gia công lợn, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao.

- Thực hiện tái cấu trúc và thành lập một số công ty con, chi nhánh trực thuộc nhằm mở rộng mô hình kinh doanh gồm: Công ty TNHH phân bón hữu cơ ViệtNhật, Công ty TNHH dầu thực vật Dabaco, Công ty TNHH giống gia cầm Bình Phước, Nhà máy chế biến trứng Dabaco...

- Thành lập các tổ công tác để hỗ trợ một số đơn vị triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh ngay từ những ngày đầu năm.

4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh vẫn còn khó khăn, thách thức, khi mà cả năm 2017 giá thực phẩm đã chạm đáy, ảnh hưởng lớn đến tình hình tiêu thụ các sản phẩm của công ty như thức ăn chăn nuôi, con giống, thực phẩm... Trong bối cảnh tình hình của ngành, của thị trường khó khăn, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn quyết tâm phấn đấu thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2018:

- ❖ Tổng doanh thu : 9.296 tỷ đồng
- ❖ Lợi nhuận trước thuế: 281 tỷ đồng
- ❖ Lợi nhuận sau thuế : 246 tỷ đồng

5. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY:

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Tập đoàn luôn luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất góp phần bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Nhận thức được vai trò của con người đối với doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, đảm bảo những quyền và lợi ích của người lao động theo đúng đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm tạo môi trường làm việc thuận lợi nhất cho người lao động yên tâm công tác.

c) Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tập đoàn rất coi trọng và quan tâm xây dựng mối quan hệ mật thiết với các cộng đồng chủ chốt bằng các hình thức như ủng hộ xây dựng các công trình phúc lợi, đền ơn đáp nghĩa, tạo công ăn việc làm cho người dân, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện và bảo vệ môi trường tại địa phương.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Năm 2017, là năm vô cùng khó khăn đối với ngành chăn nuôi, mặc dù vậy, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã luôn bám sát diễn biến của thị trường các sản phẩm chăn nuôi, tìm mọi giải pháp để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm. Do vậy, hầu hết các chỉ tiêu kỹ thuật về năng suất, chất lượng sản phẩm đều đạt tốt. Tuy nhiên, do giá các sản phẩm chăn nuôi xuống thấp khiến cho các đơn vị này không thực hiện được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, song Tập đoàn vẫn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động như chế độ ốm đau, thai sản, sinh nhật, đám hiếu, hỷ; thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cho người lao động theo qui định của pháp luật; đảm bảo thu nhập bình quân của người lao động đạt mức khá tốt so với các doanh nghiệp trong ngành; Các lợi ích của cổ đông cũng được đảm bảo.

❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty:

Nhận thức bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tất cả các nhà máy sản xuất, đơn vị chăn nuôi của công ty đều được đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại, tuân thủ đúng các tiêu chuẩn về môi trường theo qui định hiện hành. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

2.1. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc có 8 thành viên gồm: Tổng Giám đốc và 07 Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty: Tài chính, Kỹ thuật, Vật tư – XNK, Thị trường, Công nghệ, Sản xuất giống, Đầu tư xây dựng.

- Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã có những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các phòng ban, các công ty và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

2.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

HĐQT công ty định hướng chỉ đạo, theo dõi và giám sát đối với việc quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc công ty thông qua:

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các biện pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ thông qua, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

- Thông báo đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua.

- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT duy trì chế độ họp giao ban sản xuất định kỳ 1 tháng 1 lần với Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban chuyên môn nghiệp vụ Công ty, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên và đơn vị trực thuộc để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, đảm bảo các quyết định chỉ đạo của HĐQT được kịp thời và bám sát tình hình SXKD thực tế của công ty.

2.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban TGD đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong việc thực hiện quản lý, điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

- Trong năm qua, Ban TGD đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của công ty, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phát triển thành một tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình **3F (Farm-Feed-Food)** gồm: “*Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO (Food - Thực phẩm)*”; đồng thời tận dụng các cơ hội từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản, thương mại – dịch vụ để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; lai tạo giống gia súc, gia cầm có năng suất, chất lượng cao và sạch bệnh; tạo ra các sản phẩm mới trong chăn nuôi có giá trị gia tăng cao.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất kinh doanh, mở rộng qui mô, nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh.

- Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (chốt ngày 15/03/2017)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	15.132.554	18,27%
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó CT HĐQT kiêm TGD	927.828	1,12%
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD, Kế toán trưởng	1.407.120	1,7%
4	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	878.592	1,06%
5	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	6.629	0,01%
6	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT, không điều hành	94.248	0,11%
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT, không điều hành	403.920	0,49%
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	951.371	1,15%
9	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT, độc lập không điều hành	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể.

c) Hoạt động của HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/2017/NQ-HĐQT	02/01/2017	- Đánh giá kết quả SXKD năm 2016; - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2017; - Rà soát các dự án đầu tư xây dựng; - Phê duyệt một số dự án đầu tư; - Một số nội dung khác
2	Số 02/2017/NQ-HĐQT	12/01/2017	- Thông qua việc xét thưởng năm 2016 và thưởng tết Đinh Dậu năm 2017
3	Số 03/2017/NQ-HĐQT	16/02/2017	- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán; - Thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2016;

			- Thông qua việc thay đổi biện pháp bảo đảm đối với khoản vay tại Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh
4	Số 04/2017/NQ- HĐQT	01/04/2017	- Đánh giá tình hình SXKD quý I/2017; - Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017; - Đăng ký thay đổi vốn điều lệ và cập nhật thông tin địa chỉ Công ty; - Thông qua hạn mức tín dụng năm 2017; - Thông qua giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan; - Thông qua một số dự án đầu tư; - Thành lập một số Công ty TNHH một thành viên; - Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập; - Một số nội dung khác.
5	Số 05/2017/NQ- HĐQT	22/06/2017	- Thông qua phương án tái cấu trúc Công ty TNHH chế biến thực phẩm Dabaco; - Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng, bảo đảm cấp tín dụng tại ngân hàng - Thông qua việc miễn nhiệm cán bộ; - Thông qua việc điều chuyển tài sản cho công ty con; - Thông qua chủ trương đầu tư một số dự án.
6	Số 06/2017/NQ- HĐQT	14/08/2017	- Hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành của Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ; - Thông qua dự án đầu tư xây dựng tại Hà Tĩnh
7	Số 07/2017/NQ- HĐQT	02/10/2017	- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý III/2017 và triển khai nhiệm vụ Quý IV/2017; - Thành lập công ty sản xuất phân bón hữu cơ; - Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn; - Một số nội dung khác.
8	Số 08/2017/NQ- HĐQT	01/11/2017	- Thông qua việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công; - Thông qua một số dự án đầu tư.

Năm 2017 các phiên họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn và đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tập đoàn, diễn biến của thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, điều hành công ty vượt qua khó khăn, thách thức. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 8 phiên họp tập trung chủ yếu vào các vấn đề: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2017, phê duyệt kế hoạch SXKD, đánh giá kết quả SXKD trong năm của từng đơn vị và toàn Tập đoàn, quyết

định hạn mức vay vốn ngân hàng, các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT, chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác của công ty, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành: Các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, tham gia đầy đủ các phiên họp và các hoạt động của HĐQT, phát huy vai trò phản biện đối với các thành viên HĐQT khác và Ban điều hành.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Tất cả thành viên HĐQT công ty đã tham gia lớp đào tạo về quản trị Công ty do UBCKNN tổ chức và đã được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, cụ thể:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng nhận của chứng chỉ QTCT
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	13 QTCT 312/QĐ-TTNC
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	14 QTCT 312/QĐ-TTNC
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	90 QTCT 67/QĐ-TTNC
4	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT	39 QTCT 53/QĐ-TTNC
5	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT	67 QTCT 53/QĐ-TTNC
6	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	22 QTCT 42/QĐ-TTNC
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT	04 QTCT 56/QĐ-TTNC
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT	05 QTCT 56/QĐ-TTNC
9	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT	06 QTCT 56/QĐ-TTNC

2. BAN KIỂM SOÁT

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (chốt ngày 15/03/2017)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng BKS	34.320	0,04%
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	2.772	0,003%
3	Bà Đinh Thị Minh Thuận	TV BKS	3.960	0,005%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Cuộc họp của Ban kiểm soát

TT	Số Biên bản	Ngày họp	Nội dung họp
1	Số 01/2017/ BB-BKS	15/03/2017	- Thông báo kết quả SXKD nông báo kế hoạch phê duyệt cho năm 2017; - Thông qua báo cáo phân tích tài chính năm 2016; - Thông báo chương trình & nội dung chuẩn bị đại hội cổ đông thường niên năm 2017.
2	Số 02/2017/ BB-BKS	23/06/2017	- Thông qua báo cáo phân tích tài chính Quý I năm 2017; - Thông báo sơ bộ kết quả kinh doanh 6 tháng, biện pháp triển khai một số nhiệm vụ cấp bách 6 tháng cuối năm; - Thông báo chủ trương của HĐQT về tái cấu trúc Công ty TNHH chế biến thực phẩm.
3	Số 03/2017/ BB-BKS	04/11/2017	- Thông báo kết quả đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đến hết tháng 11 của công ty; - Thông báo một số chủ trương của HĐQT công ty; - Triển khai công việc của Ban kiểm soát.

Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD và bộ máy quản lý điều hành của công ty:

- Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định của Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm là phù hợp với quy định pháp luật và công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoàn toàn tuân thủ Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- Trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, HĐQT và Ban TGD đã kịp thời nắm bắt thông tin, lắng nghe những ý kiến của cổ đông và khách hàng, thường xuyên cập nhật thông tin trên thị trường, đưa ra những thay đổi và chính sách mới nhằm khắc phục những điểm hạn chế trong quản lý, hướng đến những mục tiêu về tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh.
- Công ty thực hiện công tác báo cáo và công bố thông tin đúng quy định.

c) Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:

- Trong năm 2017, BKS được HĐQT, Ban TGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của công ty.
- BKS được tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ của BKS.
- BKS, HĐQT và Ban TGD phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh để kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình kiểm tra kiểm soát của BKS. Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên công ty.

Một số kiến nghị của Ban kiểm soát:

Qua thực tế giám sát hoạt động của công ty, để duy trì được tốc độ tăng trưởng theo kế hoạch kinh doanh 2015-2018 đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, đồng thời kiểm soát được những rủi ro có thể phát sinh, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Đề nghị HĐQT và Ban TGD tiếp tục chỉ đạo, tăng cường công tác giám sát bán hàng theo đúng quy chế, quy định đã đề ra.
- Công ty cần chú trọng hơn việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Cần nghiên cứu chiến lược khi đưa sản phẩm mới ra thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Khẩn trương xây dựng những quy trình, quy chế chưa hoàn thiện để làm cơ sở cho công tác điều hành, đánh giá hiệu quả và kiểm soát rủi ro.
- Tăng cường vai trò của kiểm soát nội bộ trong việc quản lý tài chính, giám sát sự tuân thủ các quy trình, quy chế trong công ty.
- Xây dựng định mức tồn kho, quy trình quản lý kho theo tiêu chuẩn tiên tiến để tăng vòng quay hàng tồn kho đồng thời vẫn đảm bảo việc cung ứng hàng cho thị trường.

Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018:

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ công ty.
- Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT công ty để trình ĐHĐCĐ thường niên 2018.
- Tiếp tục rà soát, kiến nghị những vấn đề bất cập trong các quy trình, quy chế, hoạt động kinh doanh của công ty. Giám sát việc tuân thủ đúng các quy trình và quy chế. Giám sát việc triển khai các dự án đầu tư mới.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a) Tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2017 (chưa trừ thuế TNCN và BHXH, YT, TN):

Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	931.176.000	360.000.000
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	698.888.000	240.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT, Phó TGD, Kế toán trưởng	466.698.000	240.000.000
4	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT, Phó TGD	466.837.000	240.000.000
5	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
6	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
9	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT, độc lập không điều hành	-	300.000.000
10	Ông Nguyễn Trọng Kịch	Phó TGD	485.460.000	-
11	Ông Phạm Văn Học	Phó TGD	490.559.000	-
12	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó TGD	635.986.000	-
13	Ông Nguyễn Thế Chinh	Phó TGD	490.590.000	-
14	Ông Nguyễn Văn Tuế	Phó TGD	561.444.458	-

Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng BKS	303.704.000	36.000.000
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	-	24.000.000
3	Bà Đinh Thị Minh Thuận	TV BKS	-	18.000.000

b) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các qui định về quản trị công ty theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đã ban hành.

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Để đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư, Công ty luôn rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ giúp Ban lãnh đạo Công ty quản lý chuẩn mực và hiệu quả.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 50

BI
CỔ
TẬP
TÊN
HÀ
KIẾ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 được cấp ngày 7 tháng 4 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh siêu thị; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Toàn	Thành viên
Ông Trần Xuân Mạnh	Thành viên
Ông Lê Quốc Đoàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng ban
Ông Ngô Huy Tuệ	Thành viên
Bà Đinh Thị Minh Thuận	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Thảo	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Kích	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Học	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Tường	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc kiểm Kế toán trưởng	
Ông Nguyễn Thế Chinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 10 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Tuế	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như So.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Khắc Thảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2018



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61063700/19317308-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 2 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

19/3/2018
KẾ TOÁN VIÊN
KẾ TOÁN VIÊN



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2015-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.327.953.697.400	3.228.355.446.050
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	225.860.064.701	279.750.579.921
111	1. Tiền		155.860.064.701	279.750.579.921
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		412.960.275.514	369.523.819.498
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	412.960.275.514	369.523.819.498
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		568.369.376.246	595.261.641.829
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	377.433.670.840	374.679.675.871
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	107.371.027.522	120.517.664.578
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	83.564.677.884	100.064.301.380
140	IV. Hàng tồn kho	8	2.037.872.432.223	1.937.658.395.282
141	1. Hàng tồn kho		2.043.872.432.223	1.937.658.395.282
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.000.000.000)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		82.891.548.716	46.161.009.520
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	6.075.777.332	9.771.811.726
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	69.475.639.604	33.201.430.014
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	-	8.084.172
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		7.340.131.780	3.179.683.608
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.661.262.259.814	2.300.916.377.409
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.573.538.999	5.951.779.999
216	1. Phải thu dài hạn khác		6.573.538.999	5.951.779.999
220	II. Tài sản cố định		2.528.553.445.997	1.400.713.615.637
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.202.375.023.402	1.135.888.668.281
222	Nguyên giá		3.042.616.758.542	1.916.005.822.696
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(840.241.735.140)	(780.117.154.415)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	326.178.422.595	264.824.947.356
225	Nguyên giá		444.127.339.134	370.828.386.074
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(117.948.916.539)	(106.003.438.718)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	11	966.748.412.948	857.733.716.688
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		966.748.412.948	857.733.716.688
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	87.233.693.082	20.600.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		87.233.693.082	20.000.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	600.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		72.153.168.788	15.917.265.085
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	69.789.584.259	12.371.888.276
269	2. Lợi thế thương mại	15	2.363.584.529	3.545.376.809
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.989.215.957.214	5.529.271.823.459

5118
 CÔNG
 TNY
 T&
 TETI
 INH
 HÀ N
 TEMA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.486.599.351.977	3.190.129.918.957
310	I. Nợ ngắn hạn		3.462.415.430.265	2.629.726.611.851
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	564.133.761.601	318.465.823.911
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	132.251.259.340	146.773.275.335
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	64.929.269.084	43.162.156.602
314	4. Phải trả người lao động		61.932.931.356	59.356.318.445
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	93.182.143.087	44.992.869.107
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	234.542.842.167	243.673.194.072
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	2.293.804.036.508	1.758.904.536.941
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	17.639.187.122	14.398.437.438
330	II. Nợ dài hạn		1.024.183.921.712	560.403.307.106
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	10.881.637.600	5.245.555.800
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	1.013.302.284.112	555.157.751.306
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.502.616.605.237	2.339.141.904.502
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.502.616.605.237	2.339.141.904.502
411	1. Vốn cổ phần	23.1	828.184.650.000	752.899.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		828.184.650.000	752.899.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	418.432.992.221	418.432.992.221
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	1.057.574.691.172	753.114.963.010
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	198.424.271.844	414.694.359.271
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		198.424.271.844	414.694.359.271
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.989.215.957.214	5.529.271.823.459

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng

Nguyễn Như Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngày 2 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	5.959.707.636.582	6.396.914.477.362
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(104.242.501.087)	(140.991.882.568)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	5.855.465.135.495	6.255.922.594.794
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(5.091.990.790.863)	(5.440.988.453.186)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		763.474.344.632	814.934.141.608
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	66.922.417.993	44.142.951.647
22	7. Chi phí tài chính	27	(119.958.870.054)	(112.795.922.720)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(119.958.086.103)	(110.901.027.505)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(210.292.556.195)	(182.509.153.700)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(224.532.661.301)	(191.919.370.188)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		275.612.675.075	371.852.646.647
31	11. Thu nhập khác	28	9.953.007.830	151.299.350.329
32	12. Chi phí khác	28	(6.765.542.868)	(400.905.985)
40	13. Lợi nhuận khác	28	3.187.464.962	150.898.444.344
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		278.800.140.037	522.751.090.991
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(78.694.917.947)	(71.532.464.645)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		200.105.222.090	451.218.626.346
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	23.1	200.105.222.090	451.218.626.346
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	2.416	5.040
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	2.416	5.040

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Như So
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		278.800.140.037	522.751.090.991
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		140.745.624.490	194.703.168.742
03	Các khoản dự phòng		6.000.000.000	-
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(783.951)	5.617.946
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(66.670.766.445)	(191.960.719.414)
06	Chi phí lãi vay	27	119.958.086.103	110.901.027.505
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		478.832.300.234	636.400.185.770
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(195.624.357.213)	46.766.079.929
10	Tăng hàng tồn kho		(112.612.276.889)	(178.770.362.950)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		129.215.199.869	(99.780.729.683)
12	Tăng chi phí trả trước		(53.721.661.590)	(4.175.188.588)
14	Tiền lãi vay đã trả		(165.387.241.216)	(123.742.339.707)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(56.638.630.599)	(59.171.835.662)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		88.063.500.000	68.863.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.588.109.000)	(26.796.849.963)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		81.538.723.596	259.591.959.146
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.237.391.178.283)	(934.721.339.414)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		6.608.247.080	91.545.455
23	Tiền chi đầu tư vào khoản tiền gửi có kỳ hạn		(281.469.626.386)	(283.558.831.745)
24	Tiền thu hồi lại khoản tiền gửi có kỳ hạn		238.633.170.370	187.367.639.736
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(48.995.231.890)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		297.307.790.007	450.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		41.056.822.088	34.481.100.880
	Tiền nhận từ UBND tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ xây dựng nhà máy ép dầu		-	28.137.000.000
	Tiền hoàn lại cho UBND tỉnh Bắc Ninh về việc hỗ trợ xây dựng nhà máy ép dầu		-	(28.137.000.000)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(935.254.775.124)	(595.335.116.978)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		5.062.092.816.082	5.020.025.950.701
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.153.191.438.267)	(4.457.611.004.250)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(107.955.913.033)	(56.652.507.044)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.2	(1.120.712.425)	(36.524.267.075)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		799.824.752.357	469.238.172.332
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(53.891.299.171)	133.495.014.500
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		279.750.579.921	146.261.183.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		783.951	(5.617.946)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	225.860.064.701	279.750.579.921

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Như So
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 được cấp ngày 7 tháng 4 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh siêu thị; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 912 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 934 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 22 công ty con, bao gồm:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco	100	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò.
2	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc; sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.

031
 C
 T
 NST
 VIỆ
 HI
 HÀ
 KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công	100	100	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, mua bán và đại lý.
4	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi Lợn Dabaco	100	100	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi lợn thịt, chăn nuôi lợn sữa, lợn giống, hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh mua bán lợn thịt, lợn giống, lợn thương phẩm.
5	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi và kinh doanh gà giống.
6	Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc	100	100	Cụm công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; chế biến và bảo quản rau quả; chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm; bán buôn, bán lẻ; thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
7	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Dabaco	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất và kinh doanh rau an toàn ứng dụng công nghệ cao.
8	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	100	100	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất, kinh doanh thực phẩm; các sản phẩm bao bì nhựa PP, PE, composit; thương mại, dịch vụ.
9	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	100	100	Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Mua bán, xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại.
10	Công ty TNHH Bất động sản Dabaco	100	100	Tầng 3, tòa nhà Techcombank, đường Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá, định giá, quảng cáo, sản giao dịch chứng khoán bất động sản.

100;
NG
NH
& Y
TN,
HÁ
NỘ
1.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
11	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco	100	100	Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	► Xây dựng công trình, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, mua bán và cho thuê xe, máy móc và thiết bị.
12	Công ty TNHH Nutreco	100	100	Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	► Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
13	Công ty TNHH MTV Cảng Dabaco Tân Chi	100	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	► Khai thác và kinh doanh đá, cát, sỏi; mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa; cho thuê, kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi.
14	Công ty TNHH Lợn giống Hải Phòng	100	100	Thôn Trại Viên, xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	► Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
15	Công ty TNHH Lợn giống Hà Nam	100	100	Thôn Thương VI, xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	► Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
16	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam	100	100	Khu công nghiệp Hòa Mạc, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	► Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
17	Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ	100	100	Khu 1, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	► Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
18	Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	► Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
19	Công ty TNHH Xây dựng Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	► Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.

TỶ LỆ BIỂU QUYẾT (%)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
20	Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường vành đai III và TL295B Từ Sơn	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	➤ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
21	Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L'Indochina	100	100	Đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh	➤ Dịch vụ lưu trú, nhà hàng, ăn uống, thương mại, dịch vụ.
22	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	100	100	Thôn Thanh Khê, xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	➤ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam (VND).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nguyên vật liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi và hàng hóa thương mại

Đối với con giống, gia súc và gia cầm chăn nuôi, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để ghi nhận hàng tồn kho. Đối với các loại hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán các loại hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | Giá gốc được xác định dựa trên phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của thức ăn chăn nuôi | - | Giá gốc bao gồm nguyên vật liệu (được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền), chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các thành phẩm theo tiêu chí hợp lý. |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc và thiết bị 6 - 10 năm

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản như sau:

	<i>Thời gian khấu hao cũ</i>	<i>Thời gian khấu hao mới</i>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm	15 năm
Phương tiện vận tải	6 năm	10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 năm	5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ v.v.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được xác nhận bởi người mua.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được các điều kiện trên, các khoản thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị vốn góp. Thu nhập được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch chuyển nhượng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi, sản xuất con giống, chăn nuôi và chế biến thực phẩm trong lãnh thổ Việt Nam là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các hoạt động kinh doanh khác trong lãnh thổ Việt Nam chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	5.536.585.376	7.292.254.688
Tiền gửi ngân hàng	150.323.479.325	271.858.325.233
Tiền đang chuyển	-	600.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	70.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>225.860.064.701</u>	<u>279.750.579.921</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,5%/năm-5,5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá gốc)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	412.960.275.514	369.523.819.498
TỔNG CỘNG	<u>412.960.275.514</u>	<u>369.523.819.498</u>

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 7,7%/năm, trong đó:

- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 57 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 21.1);
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 26,9 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (Thuyết minh số 21.1);
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 30 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản thu tín dụng đã mở của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 21.1); và
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 12 tỷ đồng Việt Nam của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 21.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và các hoạt động khác	136.401.778.519	41.848.778.787
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	241.031.892.321	317.145.889.790
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VID Thanh Hóa	-	198.326.446.730
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Xây dựng Thành Lợi	-	114.863.214.400
- Các khoản phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	224.409.057.960	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	16.622.834.361	3.956.228.660
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	15.685.007.294
TỔNG CỘNG	377.433.670.840	374.679.675.871
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Vạn Lợi	15.000.000.000	6.255.000.000
Trả trước Công ty Thép tiền chế Zamil VN	10.980.323.845	11.168.965.345
Công ty Cổ phần Sông Việt Thanh Hóa	-	20.000.000.000
Các khoản trả trước khác	81.390.703.677	83.093.699.233
TỔNG CỘNG	107.371.027.522	120.517.664.578

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	45.799.842.554	63.023.856.804
Đặt cọc để mở thư tín dụng tại ngân hàng	12.416.919.488	21.478.167.093
Phải thu lãi tiền gửi, lãi trả chậm	10.665.426.931	13.216.365.168
Phải thu từ giao dịch chuyển nhượng vốn góp công ty con (Thuyết minh số 31)	10.000.000.000	-
Phải thu khác	4.682.488.911	2.345.912.315
TỔNG CỘNG	83.564.677.884	100.064.301.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng đang đi trên đường	139.827.535.507	131.835.143.862
Nguyên liệu, vật liệu	475.543.096.178	517.357.941.415
Công cụ, dụng cụ	7.934.626.742	5.846.234.818
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.255.613.675.082	907.645.723.852
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động kinh doanh bất động sản (*)</i>	<i>238.669.958.035</i>	<i>158.606.471.741</i>
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động chăn nuôi và hoạt động khác</i>	<i>1.016.943.717.047</i>	<i>749.039.252.111</i>
Thành phẩm	78.537.882.652	291.121.334.108
<i>Thành phẩm hoạt động kinh doanh bất động sản (**)</i>	<i>38.140.766.864</i>	<i>259.241.378.510</i>
<i>Thành phẩm hoạt động sản xuất và chăn nuôi</i>	<i>40.397.115.788</i>	<i>31.879.955.598</i>
Hàng hóa	86.415.616.062	83.852.017.227
TỔNG CỘNG	<u>2.043.872.432.223</u>	<u>1.937.658.395.282</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.000.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số hàng tồn kho đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng như sau:

- ▶ Hàng tồn kho tại Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Topfeeds tại Khu Công nghiệp Khắc Niệm, Bắc Ninh với giá trị tối thiểu tương đương 8 triệu USD được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam (Thuyết minh số 21.1); và
- ▶ Toàn bộ hàng tồn kho hình thành từ việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng này (Thuyết minh số 21.1).

(*) Bao gồm chi phí liên quan đến các dự án bất động sản khu nhà ở Nguyễn Cao, khu nhà ở Vạn An và các dự án khác.

(**) Bao gồm chi phí liên quan đến Dự án Khu đô thị Đền Đô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	1.183.016.984.797	579.264.380.274	143.580.288.952	10.144.168.673	1.916.005.822.696
Mua trong năm	2.188.011.275	43.952.539.310	14.091.741.844	1.922.299.000	62.154.591.429
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	684.247.171.953	514.595.037.785	10.899.976.000	4.981.629.078	1.214.723.814.816
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.921.120.032)	(4.368.444.282)	(849.027.834)	(9.138.592.148)
Giảm khác (*)	(57.238.794.237)	(73.451.141.906)	(9.617.604.754)	(821.337.354)	(141.128.878.251)
Số cuối năm	1.812.213.373.788	1.060.439.695.431	154.585.957.760	15.377.731.563	3.042.616.758.542
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	19.254.782.732	96.519.810.175	44.883.211.032	4.451.743.124	165.109.547.063
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	366.023.624.131	323.910.968.739	81.231.703.444	8.950.858.101	780.117.154.415
Khấu hao trong năm	54.088.611.157	44.211.490.663	11.712.424.098	618.712.967	110.631.238.885
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.699.393.637)	(321.319.958)	(849.027.834)	(2.869.741.429)
Giảm khác (**)	(15.749.678.981)	(27.215.592.343)	(4.092.303.810)	(579.341.597)	(47.636.916.731)
Số cuối năm	404.362.556.307	339.207.473.422	88.530.503.774	8.141.201.637	840.241.735.140
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	816.993.360.666	255.353.411.535	62.348.585.508	1.193.310.572	1.135.888.668.281
Số cuối năm	1.407.850.817.481	721.232.222.009	66.055.453.986	7.236.529.926	2.202.375.023.402
<i>Trong đó:</i>					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (**)	472.823.271.409	339.687.757.270	3.709.619.959	164.550.000	816.385.198.639

Như được trình bày trong Thuyết minh số 3.6, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Nếu thời gian khấu hao của các tài sản này được giữ nguyên, chi phí khấu hao trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tăng thêm khoảng 64,4 tỷ VND.

(*) Giảm do trong năm Công ty đã chuyển nhượng 55% giá trị cổ phần của Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Dabaco (nay là Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco) dẫn đến việc Công ty mất quyền kiểm soát đối với công ty con này.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số tài sản cố định là khách sạn, siêu thị, nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất và dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi với giá trị còn lại là khoảng 816,4 tỷ đồng Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	353.381.346.074	17.447.040.000	370.828.386.074
Thuê thêm trong năm	125.696.902.860	4.962.150.000	130.389.052.860
Giảm khác (*)	(57.090.099.800)	-	(57.090.099.800)
Số cuối năm	<u>421.988.149.134</u>	<u>22.139.190.000</u>	<u>444.127.339.134</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	96.573.333.101	9.430.105.617	106.003.438.718
Khấu hao trong năm	24.341.422.303	4.591.171.022	28.932.593.325
Giảm khác (*)	(16.987.115.504)	-	(16.987.115.504)
Số cuối năm	<u>103.927.639.900</u>	<u>14.021.276.639</u>	<u>117.948.916.539</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>256.808.012.973</u>	<u>8.016.934.383</u>	<u>264.824.947.356</u>
Số cuối năm	<u>318.060.509.234</u>	<u>8.117.913.361</u>	<u>326.178.422.595</u>

Công ty thuê hệ thống thiết bị chuồng trại chăn nuôi, hệ thống chế biến thực phẩm và các phương tiện vận chuyển theo các hợp đồng thuê tài chính ký với các công ty cho thuê tài chính. Cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 21.3.

(*) Giảm do trong năm Công ty đã chuyển nhượng 55% giá trị cổ phần của Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Dabaco (nay là Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco) dẫn đến việc Công ty mất quyền kiểm soát đối với công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Nhà máy ép dầu (*)	317.781.216.479	-
Nhà máy phân bón hữu cơ Việt Nhật	160.118.705.812	23.238.123.172
Dự án lợn giống Dabaco Hải Phòng	103.745.618.065	43.493.352.212
Dự án hệ thống chuồng trại gà Yên Thế	71.185.070.508	6.898.511.790
Dự án nhà máy chế biến trứng	51.914.529.114	-
Dự án trung tâm gia súc gia cầm Tuyên Quang	38.428.206.937	5.198.911.225
Trung tâm thương mại Quế Võ	36.615.723.376	7.574.022.909
Dự án nhà văn phòng Công ty Thương mại Dịch vụ Bắc Ninh (ACB)	36.154.083.463	35.538.155.239
Dự án kho nguyên liệu Hạp Lĩnh (*)	30.311.790.100	30.311.790.100
Dự án nhà máy Nutreco Hà Tĩnh	28.169.853.481	-
Dự án nhà hàng Đền Đô	20.277.867.273	-
Dự án cảng Dabaco - giai đoạn 2	11.291.546.693	-
Dự án trung tâm thương mại Đại Phúc	11.228.520.909	-
Dự án mở rộng văn phòng Công ty	8.879.614.609	6.811.456.800
Dự án siêu thị Thuận Thành	8.838.078.202	8.838.078.202
Dự án khu chăn nuôi Hà Tĩnh	8.204.949.272	17.466.702.727
Dự án trung tâm sản xuất giống Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	8.200.000.000	-
Dự án trung tâm thương mại Yên Phong	7.554.068.732	-
Dự án khu chăn nuôi gà giống Bình Phước	5.355.531.920	-
Dự án hệ thống chuồng trại gà Dự án Dabaco Phú Thọ (**)	-	120.612.576.260
Dự án giống lợn Lương Tài (**)	-	32.389.408.036
Dự án nhà máy sản xuất con giống công nghệ cao (**)	-	24.926.824.450
Dự án đường Bách Môn - Lạc Vệ (**)	-	16.046.360.705
Dự án rau công nghệ cao (**)	-	14.893.683.716
Dự án giống lợn Dabaco Hà Nam (**)	-	144.372.584.066
Dự án nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam (*) (**)	-	315.807.268.310
Các dự án khác	2.493.438.003	3.315.906.769
TỔNG CỘNG	966.748.412.948	857.733.716.688

(*) Các tài sản thuộc các dự án này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 21).

(**) Các dự án này đã hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2017.

12. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị khoảng 44,9 tỷ đồng Việt Nam (năm 2016: 17 tỷ đồng Việt Nam). Chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay dùng để đầu tư tài sản cố định của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá trị hợp lý)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	87.233.693.082	20.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	600.000.000
TỔNG CỘNG	87.233.693.082	20.600.000.000

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Transeco	(i) 20.000.000.000	33,33%	33,33%	20.000.000.000	33,33%	33,33%
Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco	(ii) 67.233.693.082	45%	45%	-	-	-
TỔNG CỘNG	87.233.693.082			20.000.000.000		

(i) Công ty Cổ phần Transeco

Công ty Cổ phần Transeco là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300942823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2016. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là cung cấp dịch vụ vận chuyển và vận tải.

Công ty này có trụ sở tại Cụm công nghiệp Khắc Niệm, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

(ii) Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco

Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300345626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 4 tháng 9 năm 2008, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 5 tháng 7 năm 2017. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; sản xuất thực phẩm và đồ uống.

Công ty này có trụ sở tại Quốc lộ 38, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	6.008.263.219	9.501.756.127
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	67.514.113	270.055.599
TỔNG CỘNG	<u>6.075.777.332</u>	<u>9.771.811.726</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	63.026.457.701	11.770.705.861
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.763.126.558	601.182.415
TỔNG CỘNG	<u>69.789.584.259</u>	<u>12.371.888.276</u>

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang</i>	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		<u>11.817.922.747</u>
Số cuối năm		<u>11.817.922.747</u>
Phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm	8.272.545.938	
Phân bổ trong năm	1.181.792.280	
Số cuối năm	<u>9.454.338.218</u>	
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		<u>3.545.376.809</u>
Số cuối năm		<u>2.363.584.529</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu nước ngoài	42.070.267.782	32.542.190.786
- Marubeni Grain & Oilseeds Trading Asia	18.064.321.600	23.710.995.000
- Enerfo Pte.Ltd	19.870.390.000	-
- Các nhà cung cấp nước ngoài khác	4.135.556.182	8.831.195.786
Phải trả nhà cung cấp trong nước	522.063.493.819	277.734.539.901
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Vinaconex	14.491.793.278	-
- Công ty TNHH Marine Functional VN	13.285.720.345	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GDC Hà Nội	12.790.758.071	-
- Công ty TNHH Tiến Việt - Thái	11.675.503.920	-
- Các nhà cung cấp trong nước khác	469.819.718.205	277.734.539.901
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	8.189.093.224
TỔNG CỘNG	564.133.761.601	318.465.823.911

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	28.008.758.253	66.773.275.335
Chiết khấu thương mại trích trước (*)	104.242.501.087	80.000.000.000
TỔNG CỘNG	132.251.259.340	146.773.275.335

(*) Giá trị chiết khấu thương mại đã phát sinh trong năm 2017 nhưng chưa được chi trả tại thời điểm cuối năm. Giá trị chiết khấu này sẽ được giảm trừ vào công nợ phải thu của khách hàng trong các tháng tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phát sinh trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	908.895.833	139.082.005.582	(139.920.011.148)	70.890.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.938.556.968	78.694.917.948	(56.638.630.599)	56.994.844.317
Tiền sử dụng đất	7.314.703.801	8.653.403.014	(8.104.572.315)	7.863.534.500
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.577.219.106	(2.577.219.106)	-
Các loại thuế khác	-	99.678.687	(99.678.687)	-
TỔNG CỘNG	43.162.156.602	229.107.224.337	(207.340.111.855)	64.929.269.084
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số kê khai hoàn trong năm</i>	<i>Số đã cần trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	33.201.430.014	150.533.508.516	(114.259.298.926)	69.475.639.604
Các loại thuế khác	8.084.172	-	(8.084.172)	-
TỔNG CỘNG	33.209.514.186	150.533.508.516	(114.267.383.098)	69.475.639.604

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng và phát triển bất động sản phải trả	72.550.975.639	32.876.637.991
Chi phí lãi vay phải trả	4.242.874.852	3.331.910.478
Chi phí phải trả khác	16.388.292.596	8.784.320.638
TỔNG CỘNG	93.182.143.087	44.992.869.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngắn hạn</i>		
Khoản hỗ trợ không hoàn lại của UBND tỉnh Bắc Ninh để xây dựng hệ thống xử lý môi trường cho khu chăn nuôi tập trung (*)	169.077.994.000	88.499.994.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	10.963.493.610	10.317.510.208
Khoản hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình khác (*)	9.485.500.000	5.000.000.000
Nhận đặt cọc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng	-	103.590.060.000
Khoản hỗ trợ tạm thời để bình ổn giá phải trả cho UBND tỉnh Bắc Ninh	28.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17.015.854.557	11.265.629.864
TỔNG CỘNG	<u>234.542.842.167</u>	<u>243.673.194.072</u>
<i>Dài hạn</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.881.637.600	5.245.555.800
TỔNG CỘNG	<u>10.881.637.600</u>	<u>5.245.555.800</u>

(*) Đây là các khoản nhận từ UBND tỉnh Bắc Ninh để hỗ trợ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được quyết toán vào giá trị đầu tư của dự án khi hoàn thành và đưa vào sử dụng. Giá trị hỗ trợ cuối cùng Công ty nhận được phụ thuộc sự chấp thuận của UBND tỉnh Bắc Ninh sau khi quyết toán giá trị đầu tư các dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	1.600.773.159.800	1.600.773.159.800	4.537.943.776.218	(4.035.511.852.078)	2.103.205.083.940	2.103.205.083.940
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	99.599.114.368	99.599.114.368	118.558.400.630	(109.566.236.139)	108.591.278.859	108.591.278.859
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	57.822.262.773	57.822.262.773	87.874.126.856	(64.439.715.920)	81.256.673.709	81.256.673.709
Vay đối tượng khác	710.000.000	710.000.000	751.000.000	(710.000.000)	751.000.000	751.000.000
	1.758.904.536.941	1.758.904.536.941	4.745.127.303.704	(4.210.227.804.137)	2.293.804.036.508	2.293.804.036.508
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	428.951.383.350	428.951.383.350	429.398.039.864	(125.961.750.680)	732.387.672.534	732.387.672.534
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 21.3)	126.206.367.956	126.206.367.956	192.098.567.591	(131.390.323.969)	186.914.611.578	186.914.611.578
Vay dài hạn từ quỹ Đầu tư và Phát triển UBND tỉnh Bắc Ninh (Thuyết minh số 21.4)	-	-	94.000.000.000	-	94.000.000.000	94.000.000.000
TỔNG CỘNG	555.157.751.306	555.157.751.306	715.496.607.455	(257.352.074.649)	1.013.302.284.112	1.013.302.284.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	2.103.205.083.940	Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 20 đến 25 hàng tháng.	4,6% - 6%
TỔNG CỘNG	<u>2.103.205.083.940</u>		

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:

- ▶ Toàn bộ tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất của 4 mảnh đất ở tỉnh Bắc Ninh ở Thuyết minh số 9 và chứng chỉ tiền gửi như đã được trình bày ở Thuyết minh số 5;
- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn như được trình bày tại Thuyết minh số 9 (đồng thời là tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng này – xem Thuyết minh số 21.2);
- ▶ Tài sản đảm bảo bao gồm bất động sản là nhà xưởng và máy móc thiết bị và phương tiện vận tải tại Nhà máy Thức ăn Thủy sản Kinh Bắc và Thức ăn Gia súc Dabaco II (Thuyết minh số 9);
- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án Nhà máy ép dầu như được trình bày ở Thuyết minh số 11;
- ▶ Nhà làm việc cao tầng nay là khách sạn Le Indochina của Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L' Indochina, công ty con của Công ty;
- ▶ Hàng tồn kho hình thành từ vốn vay ở Thuyết minh số 8;
- ▶ Toàn bộ máy móc thiết bị của Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc như được trình bày ở Thuyết minh số 9; và
- ▶ Phần còn lại là tín chấp.

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Các khoản vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Đơn vị tính: VND Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	840.978.951.393	Gốc vay được trả lần cuối trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 1 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	8% - 12,23%
TỔNG CỘNG	<u>840.978.951.393</u>		
<i>Trong đó</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>108.591.278.859</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>732.387.672.534</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn:

- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại Khu công nghiệp Hoàn Sơn (Thuyết minh số 9);
- ▶ Nhà cửa vật kiến trúc của Trung tâm giống gia súc gia cầm (Thuyết minh số 9);
- ▶ Trung tâm thương mại tại khu đô thị Đền Đổ, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Thuyết minh số 9);
- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án Nhà máy ép dầu như được trình bày ở (Thuyết minh số 11);
- ▶ Toàn bộ bất động sản, công trình trên đất và máy móc thiết bị, động sản nằm trong 19.208 m² đất thuộc cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, thuộc Dự án Kho nguyên liệu Hạp Lĩnh (Thuyết minh số 11);
- ▶ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án trung tâm thương mại Dabaco Gia Bình (Thuyết minh số 9);
- ▶ Bất động sản, máy móc thiết bị, phần vốn góp, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và các tài sản đảm bảo khác tại Dự án nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam của Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam - công ty con của Công ty; và
- ▶ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án Lợn Lương Tài, máy móc thiết bị chuồng nuôi (bao gồm cả khung nhà thép), phương tiện vận tải, quyền tài sản phát sinh từ dự án khu chăn nuôi lợn giống tại xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh của Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài - công ty con của Công ty.

21.3 Nợ thuê tài chính

Chi tiết nợ thuê tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty cho thuê	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản nợ thuê tài chính	268.171.285.287	Gốc vay được trả lần cuối trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 11 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.	8,5%-10,5%
Tổng cộng	<u>268.171.285.287</u>		
<i>Trong đó:</i>			
Nợ dài hạn đến hạn trả	81.256.673.709		
Nợ dài hạn	186.914.611.578		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 Nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Từ 1 năm trở xuống	102.150.913.794	20.894.240.085	81.256.673.709
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Từ 1-5 năm	211.355.404.527	24.440.792.949	186.914.611.578
TỔNG CỘNG	313.506.318.321	45.335.033.034	268.171.285.287

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Từ 1 năm trở xuống	76.368.984.075	18.546.721.302	57.822.262.773
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Từ 1-5 năm	146.719.107.757	20.512.739.801	126.206.367.956
TỔNG CỘNG	223.088.091.832	39.059.461.103	184.028.630.729

21.4 Vay dài hạn từ Quỹ Đầu tư và Phát triển UBND tỉnh Bắc Ninh

Đây là các khoản vay dài hạn không chịu lãi suất từ Quỹ Đầu tư và Phát triển UBND tỉnh Bắc Ninh để tài trợ cho dự án Nhà máy ép dầu, đáo hạn ngày 20 tháng 3 năm 2022.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	14.398.437.438	19.195.296.401
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 23.1)	33.828.858.684	21.999.991.000
Sử dụng trong năm	(30.588.109.000)	(26.796.849.963)
Số dư cuối năm	17.639.187.122	14.398.437.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước:					
Số đầu năm	627.419.230.000	418.432.992.221	679.130.704.305	221.464.609.705	1.946.447.536.231
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	451.218.626.346	451.218.626.346
- Trích lập các quỹ	-	-	73.984.258.705	(73.984.258.705)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(21.999.991.000)	(21.999.991.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	125.480.360.000	-	-	(125.480.360.000)	-
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(36.524.267.075)	(36.524.267.075)
Số cuối năm	<u>752.899.590.000</u>	<u>418.432.992.221</u>	<u>753.114.963.010</u>	<u>414.694.359.271</u>	<u>2.339.141.904.502</u>
Năm nay:					
Số đầu năm	752.899.590.000	418.432.992.221	753.114.963.010	414.694.359.271	2.339.141.904.502
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	200.105.222.090	200.105.222.090
- Trích lập các quỹ (*)	-	-	304.459.728.162	(304.459.728.162)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(33.828.858.684)	(33.828.858.684)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	75.285.060.000	-	-	(75.285.060.000)	-
- Thuế thu nhập cá nhân từ chia cổ tức	-	-	-	(1.120.712.425)	(1.120.712.425)
- Giảm khác	-	-	-	(1.680.950.246)	(1.680.950.246)
Số cuối năm	<u>828.184.650.000</u>	<u>418.432.992.221</u>	<u>1.057.574.691.172</u>	<u>198.424.271.844</u>	<u>2.502.616.605.237</u>

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn đã góp		
Vào ngày 1 tháng 1	752.899.590.000	627.419.230.000
Tăng trong năm	75.285.060.000	125.480.360.000
Vào ngày 31 tháng 12	<u>828.184.650.000</u>	<u>752.899.590.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	75.285.060.000	162.004.627.075
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2015 (0,2 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	-	125.480.360.000
Cổ tức cho năm 2016 (500VND/cổ phần)	-	36.524.267.075
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2016 (0,1 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	75.285.060.000	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	76.405.772.425	162.004.627.075
Cổ tức bằng cổ phiếu	75.285.060.000	125.480.360.000
Cổ tức cho năm 2016	-	36.524.267.075
Thuế thu nhập cá nhân cho phần cổ tức trả bằng tiền cho năm 2016	1.120.712.425	-

23.3 Cổ phiếu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	82.818.465	828.184.650.000	75.289.959	752.899.590.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.818.465	828.184.650.000	75.289.959	752.899.590.000
Cổ phiếu đang lưu hành	82.818.465	828.184.650.000	75.289.959	752.899.590.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016:10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	5.959.707.636.582	6.396.914.477.362
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>4.289.808.390.844</i>	<i>5.481.350.517.820</i>
<i>Doanh thu bán vật liệu, hàng hóa</i>	<i>750.121.178.746</i>	<i>884.866.743.814</i>
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản (*)</i>	<i>800.005.573.130</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu dịch vụ xây lắp (*)</i>	<i>119.772.493.862</i>	<i>30.697.215.728</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(104.242.501.087)	(140.991.882.568)
Chiết khấu thương mại	(98.835.201.894)	(131.748.103.895)
Giảm giá hàng bán	(70.769.870)	(7.190.618)
Hàng bán bị trả lại	(5.336.529.323)	(9.236.588.055)
Doanh thu thuần	5.855.465.135.495	6.255.922.594.794
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>4.185.565.889.757</i>	<i>5.340.358.635.252</i>
<i>Doanh thu bán vật liệu, hàng hóa</i>	<i>750.121.178.746</i>	<i>884.866.743.814</i>
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>800.005.573.130</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu dịch vụ xây lắp</i>	<i>119.772.493.862</i>	<i>30.697.215.728</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên thứ ba</i>	<i>5.855.465.135.495</i>	<i>6.220.237.587.500</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>35.685.007.294</i>

(*) Chủ yếu bao gồm doanh thu từ chuyển nhượng nhà ở xây thô gắn liền với quyền sử dụng đất của Dự án Khu đô thị Hồ Điều Hòa và Dự án Khu đô thị Nguyễn Cao cùng với doanh thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Dự án Khu đô thị Đền Đô.

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	28.212.241.851	19.556.000.062
Lãi từ chuyển nhượng công ty con	27.825.486.233	-
Lãi trả chậm	10.293.642.000	23.852.904.808
Lãi chênh lệch tỷ giá	591.047.909	284.651.021
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	449.395.756
TỔNG CỘNG	66.922.417.993	44.142.951.647

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.843.034.953.521	4.606.855.910.332
Giá vốn của vật liệu, hàng hóa đã bán	678.598.517.076	813.401.573.758
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	466.076.369.998	-
Giá vốn dịch vụ xây lắp	104.280.950.268	20.730.969.096
TỔNG CỘNG	5.091.990.790.863	5.440.988.453.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	210.292.556.195	182.509.153.700
- Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	10.057.715.274	4.494.223.278
- Chi phí nhân công	109.504.538.364	96.888.100.253
- Chi phí vận chuyển, bốc vác	19.694.355.544	18.815.800.414
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.615.878.881	18.150.520.174
- Chi phí quảng cáo, khuyến mại	6.714.643.394	5.543.295.871
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.783.228.285	24.445.601.822
- Chi phí khác	19.922.196.453	14.171.611.888
Chi phí quản lý doanh nghiệp	224.532.661.301	191.919.370.188
- Chi phí văn phòng phẩm	25.631.193.066	18.321.482.725
- Chi phí nhân công	91.031.933.669	82.014.293.550
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.739.083.029	23.149.029.138
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.578.019.225	50.552.468.276
- Chi phí khác	21.552.432.312	17.882.096.499
TỔNG CỘNG	434.825.217.496	374.428.523.888

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	119.958.086.103	110.901.027.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá	783.951	1.531.876.518
Phí mở thư tín dụng	-	363.018.697
TỔNG CỘNG	119.958.870.054	112.795.922.720

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	9.953.007.830	151.299.350.329
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	6.608.247.080	91.545.455
Thanh lý nguyên liệu, phế liệu	397.458.084	258.974.924
Lãi từ chuyển nhượng dự án	-	148.604.807.096
Thu nhập khác	2.947.302.666	2.344.022.854
Chi phí khác	6.765.542.868	400.905.985
Chi phí khác	6.765.542.868	400.905.985
GIÁ TRỊ THUẦN	3.187.464.962	150.898.444.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.504.628.239.383	4.865.565.457.500
Chi phí nhân công	391.370.597.877	359.762.112.339
Chi phí khấu hao và hao mòn	122.090.156.714	202.380.717.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.509.720.879	113.509.720.879
Chi phí khác	192.281.105.588	99.432.522.073
TỔNG CỘNG	<u>5.323.879.820.441</u>	<u>5.640.650.529.864</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con trong năm hiện tại là 15% lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và 20% cho các hoạt động khác (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 15% đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và 20% cho các hoạt động khác), ngoại trừ các công ty con sau:

- ▶ Công ty TNHH Hiệp Quang được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 20% trong vòng 10 năm từ năm 2007 đến năm 2017 theo Giấy Chứng nhận Đầu tư; và
- ▶ Các công ty con bao gồm Công ty TNHH Lợn Giống Lạc Vệ, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển gia công gà, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Gia công lợn, Công ty TNHH Gà giống Dabaco và Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân là đối tượng được miễn thuế TNDN trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế theo các Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp. Do vậy, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, các công ty con này đang được miễn thuế.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty và các công ty con đủ điều kiện để được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi (15%) đối với hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi trong năm theo hướng dẫn của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	78.694.917.947	71.532.464.645
TỔNG CỘNG	<u>78.694.917.947</u>	<u>71.532.464.645</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	278.800.140.037	522.751.090.991
Thuế TNDN theo thuế suất của từng hoạt động	78.273.814.197	70.975.276.580
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế suất 15% của hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi</i>	<i>14.267.932.044</i>	<i>37.429.386.039</i>
<i>Thuế suất 20% của các hoạt động khác</i>	<i>64.005.882.153</i>	<i>33.545.890.541</i>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí khấu hao ứng với phần vượt định mức	167.357.453	311.165.579
Chi phí khác không được khấu trừ	253.746.297	246.022.486
Chi phí thuế TNDN	<u>78.694.917.947</u>	<u>71.532.464.645</u>

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán năm.

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 477.112.305.827 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 124.981.455.035 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (1)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2017</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2017</i>
2012	2017	24.711.666.236	(8.398.276.038)	(16.313.390.198)	-
2013	2018	47.890.179.507	-	-	47.890.179.507
2014	2019	30.121.914.687	-	-	30.121.914.687
2015	2020	15.418.885.682	-	-	15.418.885.682
2016	2021	15.192.483.234	-	-	15.192.483.234
2017	2022	368.488.842.717	-	-	368.488.842.717
TỔNG CỘNG		<u>501.823.972.063</u>	<u>(8.398.276.038)</u>	<u>(16.313.390.198)</u>	<u>477.112.305.827</u>

(1) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với khoản lỗ thuế của các công ty con do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

02-G
3 TY
TH
VOI
NAM
IAMI
I01
T.5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2017 bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco	Công ty liên kết	Phân bổ chi phí sử dụng tài sản	2.328.058.040	-
		Lãi vay phân bổ	817.147.156	-
		Tiền nhận trong năm	8.994.953.760	-
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết	Bán hàng	-	35.685.007.294
		Mua dịch vụ	-	8.189.093.224
		Góp vốn bằng công nợ	-	20.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết	-	15.685.007.294	
Phải thu khác từ thành viên quản lý chủ chốt (Thuyết minh số 7)				
		10.000.000.000	-	
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết	-	8.189.093.224	

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	6.827.436.000	6.864.326.000
TỔNG CỘNG	6.827.436.000	6.864.326.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	200.105.222.090	451.218.626.346
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 22) (*)	-	(33.828.858.684)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	200.105.222.090	417.389.767.662
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	82.818.465	82.818.465
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	82.818.465	82.818.465
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.416	5.040
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.416	5.040

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2017. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

(**) Như được trình bày ở Thuyết minh số 23.2, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành 7.528.506 cổ phiếu để chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Sau khi hoàn thành giao dịch này, số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng từ 75.289.959 cổ phiếu lên 82.818.465 cổ phiếu. Theo đó, số cổ phiếu phổ thông của năm tài chính trước khi hoàn thành giao dịch này dùng để tính bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông được xác định lại là 82.818.465 cổ phiếu.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp	Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.747.295.668.930	861.652.905.752	2.246.516.560.813	-	5.855.465.135.495
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	1.296.160.777.355	72.138.380.964	3.527.486.623.821	(4.895.785.782.140)	-
Tổng doanh thu thuần	4.043.456.446.285	933.791.286.716	5.774.003.184.634	(4.895.785.782.140)	5.855.465.135.495
Kết quả					
Lợi nhuận trước thuế	172.842.104.117	397.274.345.791	(354.011.906.499)	62.695.596.628	278.800.140.037
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(10.176.265.178)	(65.928.682.236)	(2.589.970.533)	-	(78.694.917.947)
Lợi nhuận thuần sau thuế	162.665.838.939	331.345.663.555	(356.601.877.032)	62.695.596.628	200.105.222.090
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	5.127.934.190.996	425.257.752.024	2.816.725.330.557	(1.380.701.316.363)	6.989.215.957.214
Tài sản bộ phận	5.127.934.190.996	425.257.752.024	2.816.725.330.557	(2.106.755.349.660)	6.263.161.923.917
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	726.054.033.297	726.054.033.297
Tổng nợ phải trả	3.717.860.066.205	169.202.253.846	2.885.970.893.337	(2.286.433.861.411)	4.486.599.351.977
Nợ phải trả bộ phận	3.717.860.066.205	169.202.253.846	2.885.970.893.337	(2.286.433.861.411)	4.486.599.351.977

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp	Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.594.603.763.750	30.697.215.728	2.630.621.615.316	-	6.255.922.594.794
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	1.013.516.704.050	45.832.108.593	1.185.487.011.541	(2.244.835.824.184)	-
Tổng doanh thu thuần	4.608.120.467.800	76.529.324.321	3.816.108.626.857	(2.244.835.824.184)	6.255.922.594.794
Kết quả					
Lợi nhuận trước thuế	369.441.557.990	151.915.538.351	126.719.077.035	(125.325.082.385)	522.751.090.991
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(38.085.892.547)	(29.763.928.427)	(3.682.643.671)	-	(71.532.464.645)
Lợi nhuận thuần sau thuế	331.355.665.443	122.151.609.924	123.036.433.364	(125.325.082.385)	451.218.626.346
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	3.278.234.069.187	790.842.219.297	1.862.823.573.239	(402.628.038.264)	5.529.271.823.459
Tài sản bộ phận	3.278.234.069.187	790.842.219.297	1.862.823.573.239	(1.076.047.814.492)	4.855.852.047.231
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	-	673.419.776.228
Tổng nợ phải trả	2.523.955.968.306	166.816.616.205	1.575.405.148.938	(1.076.047.814.492)	3.190.129.918.957
Nợ phải trả bộ phận	2.523.955.968.306	166.816.616.205	1.575.405.148.938	(1.076.047.814.492)	3.190.129.918.957

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết về chi phí xây dựng và phát triển các bất động sản

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các cam kết về chi phí xây dựng và phát triển các bất động sản theo hợp đồng với các nhà thầu xây lắp với số tiền khoảng 532,2 tỷ đồng Việt Nam.

Cam kết đầu tư

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các cam kết góp vốn đầu tư vào các công ty con như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bất động sản Dabaco	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH Lợn giống Hải Phòng	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Lợn giống Hà Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hòa Văn Miếu Bắc Ninh	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường Vành đai III và TL295B Từ Sơn	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L'Indochina	30.630.222.959	35.000.000.000
TỔNG CỘNG	720.630.222.959	725.000.000.000

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai liên quan đến các lô đất dùng để xây dựng nhà máy sản xuất, văn phòng và để phát triển các dự án bất động sản theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.928.981.082	1.928.981.082
Trên 1 - 5 năm	9.522.757.410	9.522.757.410
Trên 5 năm	74.497.374.198	76.558.682.280
TỔNG CỘNG	85.949.112.690	88.010.420.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện tại. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

	Đã được trình bày trước đây	Trình bày lại	Được trình bày lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.993	(953)	5.040
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.993	(953)	5.040

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.






Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng

Nguyễn Như So
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 2 tháng 3 năm 2018